

BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NĂNG LƯỢNG

Tháng 8/2010

ỦY BAN CHỨNG KHOÁN NHÀ NƯỚC CẤP CHỨNG NHẬN ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG CHỈ CÓ Ý NGHĨA LÀ VIỆC ĐĂNG KÝ CHÀO BÁN CỔ PHIẾU ĐÃ THỰC HIỆN THEO CÁC QUY ĐỊNH CỦA PHÁP LUẬT LIÊN QUAN MÀ KHÔNG HÀM Ý ĐẢM BẢO GIÁ TRỊ CỦA CỔ PHIẾU. MỌI TUYÊN BỐ TRÁI VỚI ĐIỀU NÀY LÀ BẤT HỢP PHÁP



BẢN CÁO BẠCH

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NĂNG LƯỢNG

(Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103005517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 03 tháng 06 năm 2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

(Giấy chứng nhận đăng ký chào bán số /UBCK-GCN do Chủ tịch Ủy ban Chứng khoán Nhà nước cấp ngày/...../2010)



TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

BẢN CÁO BẠCH NÀY VÀ CÁC TÀI LIỆU BỔ SUNG SẼ ĐƯỢC CUNG CẤP TẠI:

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NĂNG LƯỢNG

Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
Điện thoại: (84 - 4) 3768 4111 Fax: (84 - 4) 3768 4644
Website : www.CavicoEC.com Email: Info@CavicoEC.com

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

Địa chỉ: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam
Điện thoại: (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601
Website : www.thanglongsc.com.vn

PHỤ TRÁCH CÔNG BỐ THÔNG TIN

Họ tên: Phạm Văn Dưỡng Chức vụ: Trưởng phòng Tổ chức – Hành chính
Điện thoại: (84-4) 3768 4111 Fax: (84-4) 3768 4644
Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội

CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG NĂNG LƯỢNG

Giấy chứng nhận ĐKKD số 0101616571 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 03 tháng 06 năm 2010)

CHÀO BÁN CỔ PHIẾU RA CÔNG CHÚNG

Tên Cổ phiếu	CỔ PHIẾU CÔNG TY CP XÂY DỰNG NĂNG LƯỢNG
Mệnh giá	10.000 đồng
Giá bán	
Cho Cổ đông hiện hữu	10.000 đồng/cổ phần
Cho Cán bộ công nhân viên	10.000 đồng/cổ phần
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	10.000 đồng/cổ phần
Tổng số lượng chào bán	4.225.000 cổ phần
Cho Cổ đông hiện hữu	3.900.000 cổ phần
Cho Cán bộ công nhân viên	162.500 cổ phần
Trả cổ tức bằng cổ phiếu	162.500 cổ phần
Tổng giá trị chào bán theo mệnh giá	42.250.000.000 đồng

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

Điện thoại: (84-4) 3726 2600

Fax: (84-4) 3726 2601

Địa chỉ: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Website : www.thanglongsc.com.vn



TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Báo cáo Kiểm toán năm 2008 được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM (VIET AUDITORS CO.,LTD.)

Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà M3M4 số 91 Nguyễn Chí Thanh – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: 844 62663006

Fax: 844 54342011

Báo cáo Kiểm toán năm 2009 được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN CA&A

Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà M3M4 số 91 Nguyễn Chí Thanh – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: 844 62663006

Fax: 844 62663066

MỤC LỤC

BẢNG

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/06/2010	24
Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập	24
Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/06/2010	25
Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty	29
Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty	30
Bảng 6: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu	31
Bảng 7: Chi phí sản xuất của Công ty	32
Bảng 9: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết	35
Bảng 10: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty	36
Bảng 11: Tình hình lao động trong Công ty (tính đến thời điểm 25/12/2009)	39
Bảng 12: Chính sách cổ tức của Công ty	41

Bảng 13: Thời gian khấu hao tài sản cố định.....	42
Bảng 14: Mức lương bình quân.....	42
Bảng 15: Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước năm 2008, 2009 và quý 2/2010.....	43
Bảng 16: Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 30/06/2010.....	43
Bảng 17: Các khoản phải thu.....	44
Bảng 18: Các khoản Phải trả.....	44
Bảng 19: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu.....	45
Bảng 20: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2008.....	59
Bảng 21: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2009.....	59
Bảng 22: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/03/2010.....	60
Bảng 23: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2011.....	61
Bảng 24: Lịch trình phân phối cổ phiếu.....	65

SƠ ĐỒ

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức.....	19
--	----

BIỂU

Biểu 1: Tỷ lệ GDP của Việt Nam qua các năm.....	7
Biểu 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm.....	8

I. CÁC NHÂN TỐ RỦI RO

Nhằm mục đích đảm bảo tính minh bạch, công khai, bảo vệ quyền và lợi ích hợp pháp cho nhà đầu tư, chúng tôi khuyến cáo các nhà đầu tư tham khảo trước phần này để có những đánh giá và quyết định phù hợp trong việc đầu tư của mình đối với cổ phiếu phát hành thêm của Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.

1. Rủi ro về kinh tế

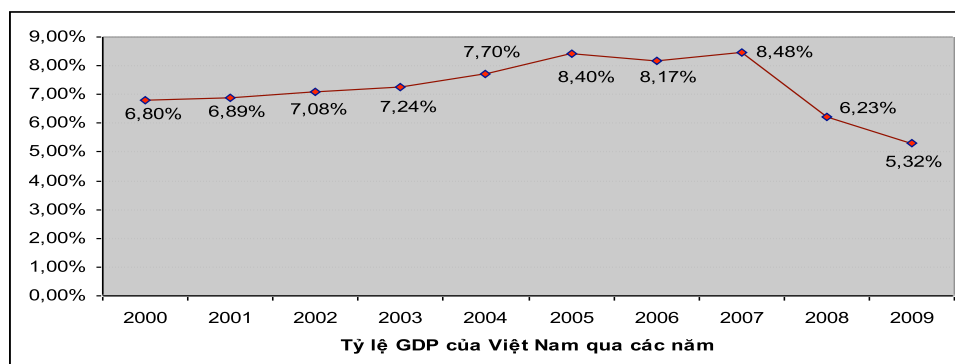
Những rủi ro trong nền kinh tế bắt nguồn từ sự biến động bất thường của những yếu tố cơ bản như lãi suất, lạm phát, tỷ giá hay cán cân thương mại. Những thay đổi của các yếu tố tại đây mang tính hệ thống và có ảnh hưởng tới hầu hết các chủ thể trong nền kinh tế trong đó có doanh nghiệp.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế

Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam đạt mức bình quân 8,16%/năm trong giai đoạn 2004 – 2007. Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, tốc độ tăng trưởng của Việt Nam có xu hướng giảm dần. Năm 2008 tốc độ tăng trưởng GDP đạt 6,23%, thấp hơn so với mục tiêu đề ra và con số này năm 2009 chỉ đạt mức 5,32%, thấp nhất trong 10 năm trở lại đây. Tuy nhiên, tốc độ tăng trưởng của Việt Nam năm 2009 vẫn ở mức cao so với các nước trong khu vực và trên thế giới. Cùng với sự hồi phục của nền kinh tế thế giới, kinh tế Việt Nam cũng đã có những bước chuyển mình tích cực. Tốc độ tăng trưởng GDP của Việt Nam trong 6 tháng đầu năm 2010 đã đạt mức 6.16% và dự kiến trong năm 2010 sẽ đạt mức trên 7% khẳng định chủ trương tập trung phát triển kinh tế của Chính Phủ.

Tốc độ tăng trưởng kinh tế của Việt Nam ảnh hưởng trực tiếp và gián tiếp tới sự phát triển của các ngành kinh tế thành phần kéo theo thu nhập của người dân tăng lên. Qua đó, tạo ra nhu cầu sản phẩm dịch vụ và tiền đề cho các doanh nghiệp mở rộng sản xuất kinh doanh. Là một ngành kinh tế trọng điểm và là đầu vào quan trọng cho hoạt động sản xuất kinh doanh ở tất cả các lĩnh vực, sự tăng trưởng kinh tế đòi hỏi sự tăng trưởng tương ứng của ngành điện. Chính điều này đã tạo nên những tiền đề cho sự tăng trưởng của các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp thủy điện.

Biểu 1: Tỷ lệ GDP của Việt Nam qua các năm



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Bên cạnh đó, theo chiến lược phát triển ngành điện Việt Nam giai đoạn 2004 – 2010, định hướng đến 2020 thì thủy điện là một trong những lĩnh vực được ưu tiên và khuyến khích phát triển với các hình thức như ưu đãi thuế hay hỗ trợ vốn vay và lãi suất. Cũng theo chiến lược này, dự kiến đến năm 2020 tổng công suất các nhà máy thủy điện trên cả nước đạt khoảng 13.000 đến 15.000 MW.

Có thể thấy rằng, những kỳ vọng vào sự tăng trưởng của nền kinh tế Việt Nam cũng như của ngành điện mà cụ thể ở đây là thủy điện trong những năm tới sẽ đem đến nhiều cơ hội phát triển cho Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.

Lạm phát

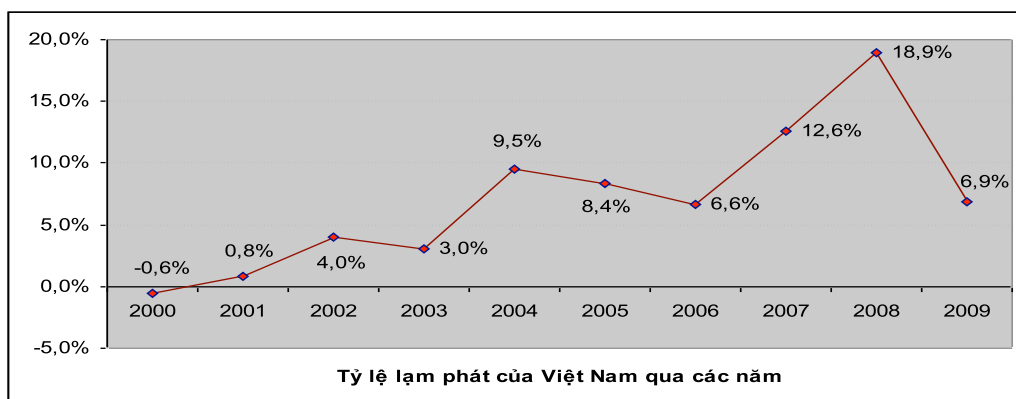
Sự tăng trưởng cao của nền kinh tế Việt Nam luôn đi kèm với rủi ro lạm phát. Tuy nhiên đây cũng là một nhân tố cần thiết cho sự phát triển của nền kinh tế. Tuy nhiên, sự mất kiểm soát trong tỷ lệ lạm phát sẽ ảnh hưởng tiêu cực tới tất cả các thành phần kinh tế.

Những sự thay đổi lớn, nằm ngoài tầm kiểm soát về giá cả nguyên vật liệu đầu vào như giá thép, xi măng, giá xăng sẽ khiến các doanh nghiệp gặp khó khăn trong việc thực hiện sản xuất kinh doanh, lên kế hoạch cũng như hoàn thiện các hợp đồng.

Trong giai đoạn 2000 – 2006 tỷ lệ lạm phát của Việt Nam luôn được duy trì ở mức một con số. Tuy nhiên sang năm 2007 tỷ lệ lạm phát đã tăng lên mức 12,63% và đỉnh điểm là năm 2008 khi tỷ lệ này đạt mức 18,97%. Trong thời điểm đó, giá cả nguyên vật liệu đầu vào với các công ty xây lắp như gạch, thép, xi măng hay xăng dầu đều tăng mạnh. Kết quả là hàng loạt các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực này gặp khó khăn, thua lỗ và hoàn thành các dự án chậm hơn so với tiến độ. Tuy nhiên, đến năm 2009, nhờ nỗ lực kiểm soát của Chính Phủ, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam giảm xuống mức 6,9%.

Trong 6 tháng đầu năm 2010, tỷ lệ lạm phát của Việt Nam đạt mức 4,78% so với tháng 12 năm 2009. Trong 6 tháng còn lại của năm 2010, Chính Phủ tiếp tục đẩy mạnh tăng trưởng kinh tế và thực hiện kiểm chế tỷ lệ lạm phát ở mức dưới 7%.

Biểu 2: Tỷ lệ lạm phát của Việt Nam qua các năm



(Nguồn: Tổng cục thống kê)

Để hạn chế những rủi ro về lạm phát, các thành phần trong nền kinh tế mà cụ thể ở đây là các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp phải có kế hoạch phát triển cụ thể và chi tiết, chủ động tìm kiếm các nhà cung cấp vật liệu đầu vào, đảm bảo nguồn cung cấp này ổn định và thực hiện ký kết các hợp đồng xây dựng dựa trên khối lượng thực tế nghiệm thu.

Lãi suất

Với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp thủy điện, vốn vay là một phần quan trọng và chiếm tỷ lệ lớn trong tổng nguồn vốn hoạt động của công ty. Do đó, chi phí sử dụng vốn cho các khoản vay này không nhỏ. Lãi suất gia tăng sẽ khiến chi phí doanh nghiệp nói chung và chi phí lãi vay nói riêng tăng cao. Điều này ảnh hưởng trực tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của bản thân doanh nghiệp.

Mức lãi suất của Việt Nam trong giai đoạn 2003 – 2007 khá ổn định và nằm trong khoảng 9,5% đến 11,5%. Tuy nhiên, trong năm 2008, lãi suất ở Việt Nam tăng đột ngột và có những thời điểm mức lãi suất ở trên 20%. Qua những biến động về lạm phát và lãi suất trong những năm qua có thể thấy rằng lãi suất là một công cụ ưa thích của Chính Phủ và các cơ quan chức năng trong việc kiềm chế lạm phát và thúc đẩy tăng trưởng kinh tế.

Do ảnh hưởng của cuộc khủng hoảng tài chính năm 2008, mặt bằng lãi suất của Việt Nam đã giảm mạnh. Đầu năm 2009, lãi suất cho vay ở Việt Nam dao động xung quanh 10% và tăng dần vào cuối năm. Sang năm 2010, mặt bằng lãi suất ở Việt Nam đã tăng lên mức 15% và dự kiến trong sáu tháng cuối năm mức lãi suất vẫn ổn định xung quanh mức này.

Tỷ giá hối đoái

Rủi ro về tỷ giá hối đoái là những rủi ro xảy ra khi có những biến động bất thường về tỷ giá. Rủi ro này ảnh hưởng trực tiếp tới các doanh nghiệp có những chi phí và doanh thu phát sinh bằng đồng ngoại tệ mà đặc biệt là các doanh nghiệp xuất nhập khẩu. Tuy nhiên, với các doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp mà cụ thể ở đây là lĩnh vực xây lắp thủy điện, những biến động về tỷ giá cũng có thể có những tác động gián tiếp tới hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty khi nguyên liệu đầu vào của các doanh nghiệp này chịu sự tác động trong hoạt động xuất nhập khẩu như giá thép.

Trong năm 2007, biên độ tỷ giá giữa đồng USD và VND khá nhỏ (mức 0.5% và cuối năm tăng lên mức 0.75%), chính vì vậy tỷ giá USD/VND cũng không có nhiều biến động, chỉ dao động trong khoảng 15,975 VND/USD và 16,300 VND/USD. Tuy nhiên, tỷ giá hối đoái lại có biến động rất lớn trong năm 2008 khi mà biên độ tỷ giá từ 0,75% tăng lên 1% rồi tăng lên 3% vào ngày 25 tháng 12 năm 2008. Đầu năm 2008, tỷ giá USD/VND chỉ ở mức 16.015 VND/USD thì có những thời điểm trong năm 2008 mức tỷ giá này đã tăng lên hơn 19.500 VND/USD. Sự biến động thất thường của tỷ giá khiến các doanh nghiệp

xuất nhập khẩu chịu rất nhiều khó khăn tại thời điểm đó. Ngày 24 tháng 3 năm 2009, biên độ tỷ giá tiếp tục lại được tăng lên mức 5% và kèm theo đó là sự tăng lên của tỷ giá.

Trong năm 2010 NHNN đã thực hiện nâng tỷ giá liên ngân hàng lên 3% từ 17.941 VND/USD lên mức 18.554 VND/USD. Và quyết định này đã khiến tỷ giá tại thị trường tự do nhanh chóng tăng lên mức hơn 20.000 VND/USD nhưng sau đó lại giảm xuống dưới mức 19.000. Tỷ giá cũng khá ổn định trong nửa đầu của năm 2010 khi quyết định của NHNN có tác động khá tích cực. Tuy nhiên, trong sáu tháng cuối năm những lo ngại bởi sự tăng lên của tỷ giá USD/VND cũng xuất hiện khi cán cân thương mại bị thâm hụt khá nhiều. Tuy nhiên, cũng có thể thấy rằng, sự thâm hụt của cán cân vãng lai trong 6 tháng đầu năm 2009 đã được bù đắp bởi cán cân vốn, các nguồn như FDI, ODA. Hơn nữa, trong năm 2010 khi mà cơn sốt vàng không còn thì sẽ hạn chế được một lượng lớn ngoại tệ chảy ra ngoài qua kênh nhập khẩu vàng. Bên cạnh đó, nguồn kiều hối về dự báo tăng trong những tháng cuối năm cũng cho thấy khả năng ổn định về tỷ giá là có cơ sở.

Cũng có thể thấy rằng, các hoạt động sản xuất kinh doanh của CavicoEC chủ yếu sử dụng bằng VND. Chính vì vậy mà CavicoEC sẽ không chịu nhiều ảnh hưởng khi có những rủi ro biến động về tỷ giá.

2. **Rủi ro về Cơ chế chính sách và pháp luật**

Là một công ty cổ phần hoạt động trong lĩnh vực xây lắp thủy điện và dân dụng, CavicoEC chịu sự điều chỉnh của các văn bản luật chung như Luật Doanh Nghiệp, Luật Chứng Khoán, và các văn bản luật chuyên ngành như Luật Đầu Tư, Luật Đất Đai, Luật Xây Dựng, Luật và các văn bản dưới luật như Nghị định số 209/2004/NĐ – CP về Quản lý chất lượng công trình xây dựng, Nghị định số 08/2005/NĐ – CP về Quản lý dự án đầu tư xây dựng công trình, Nghị định số 126/2004 NĐ – CP về Xử phạt vi phạm hành chính trong xây dựng và các văn bản pháp luật liên quan khác.

Hệ thống pháp luật của Việt Nam hiện nay đang trong quá trình sửa đổi và hoàn thiện để tạo ra một hành lang pháp lý đồng bộ và bình đẳng giữa các thành phần kinh tế, quy định chặt chẽ và tạo điều kiện thuận lợi cho hoạt động của doanh nghiệp. Bên cạnh đó một hệ thống pháp luật chặt chẽ và nhất quán sẽ là điều kiện thuận lợi giúp các doanh nghiệp Việt Nam trong quá trình hội nhập sâu vào nền kinh tế thế giới. Tuy nhiên, do đang trong quá trình sửa đổi, nhiều văn bản pháp lý phải thay đổi và bổ sung liên tục, điều này khiến cho các doanh nghiệp không nắm bắt kịp những quy định của Nhà Nước và khiến hoạt động sản xuất kinh doanh của các doanh nghiệp có thể bị ảnh hưởng đáng kể. Đây cũng chính là những rủi ro mà các tổ chức nước ngoài lo ngại khi tiến hành đầu tư vào Việt Nam.

3. **Rủi ro của đợt chào bán**

So với những năm đầu thành lập, thị trường chứng khoán Việt Nam đã có những thay đổi đáng kể cả về quy mô lẫn số lượng các công ty chứng khoán cũng như các công ty niêm

yết. Sự tăng trưởng này được thể hiện qua số lượng các doanh nghiệp niêm yết tại sở giao dịch chứng khoán, quy mô giao dịch và sự hoàn thiện của các văn bản pháp lý. Tuy nhiên, là một thị trường mới nổi, sự tăng trưởng và phát triển của thị trường chứng khoán Việt Nam vẫn chưa ổn định. Bên cạnh đó, những tác động của thị trường chứng khoán toàn cầu với chứng khoán Việt Nam cũng ngày một rõ rệt hơn.

Năm 2007 đánh dấu sự thăng hoa và phát triển mạnh mẽ của thị trường chứng khoán Việt Nam khi chỉ số Vnindex liên tục lập những kỷ lục mới. Tuy nhiên, cùng với sự sụt giảm của thị trường chứng khoán toàn cầu và kể từ khi Vnindex lập mốc kỷ lục hơn 1100 điểm vào trung tuần tháng 3 năm 2007, thị trường chứng khoán Việt Nam bắt đầu sụt giảm.

Bất chấp những nỗ lực từ phía các cơ quan chức năng, thị giá của hàng loạt mã cổ phiếu bước vào đợt suy giảm mạnh và kéo dài. Sau gần 2 năm sụt giảm khi chỉ số Vnindex chỉ còn hơn 230 điểm, thị trường chứng khoán Việt Nam bắt đầu phục hồi cùng với những kỳ vọng tốt đẹp vào sự tăng trưởng của nền kinh tế sau khủng hoảng. Sự phục hồi này đi kèm với những thay đổi về quy mô và giá trị giao dịch của thị trường khi rất nhiều các doanh nghiệp lớn được niêm yết.

Sự ổn định về tốc độ tăng trưởng kinh tế trong năm 2010 có thể là một trong những điều kiện khiến cho thị trường chứng khoán Việt Nam có những bước phát triển ổn định. Tuy nhiên, tại thời điểm hiện nay, việc niêm yết và phát hành ồ ạt của các công ty cổ phần khiến cho thị trường có một lượng cung cổ phiếu rất lớn trong khi không có sự thay đổi lớn về luồng tiền dịch chuyển vào thị trường. Điều này khiến số lượng cổ phiếu niêm yết và phát hành thêm này không được hấp thụ hết và hệ quả là sẽ có những đợt sụt giảm trên thị trường chứng khoán, có thể là trong ngắn hạn. Đây có thể là rủi ro tiềm ẩn đối với sự thành công trong đợt chào bán cổ phiếu của Công ty và qua đó sẽ ảnh hưởng tới tiến độ huy động vốn và tiến độ giải ngân cho các nhu cầu trong hoạt động sản xuất kinh doanh của CavicoEC.

4. Rủi ro của việc đầu tư vốn từ số tiền thu được từ đợt chào bán

Sau khi kết thúc đợt chào bán, CavicoEC sẽ sử dụng số tiền thu được đầu tư mua sắm máy móc thiết bị và bổ sung vốn lưu động. Các công việc đầu tư này có thể vấp phải những khó khăn do sự thay đổi trong báo giá của nhà cung cấp, giá nguyên liệu đầu vào. Điều này sẽ ảnh hưởng đến tiến độ và hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty.

Để hạn chế những rủi ro này, Hội đồng quản trị và Ban giám đốc của CavicoEC đã tập trung xây dựng kế hoạch và chiến lược phát triển của Công ty, đồng thời cũng chỉ đạo và theo dõi sát sao việc nghiên cứu, quá trình triển khai cũng hiệu quả công việc của các bộ phận liên quan.

5. **Rủi ro pha loãng Cổ phiếu**

Trong giai đoạn hiện nay, giá cổ phiếu chịu ảnh hưởng lớn từ thị trường và tâm lý của nhà đầu tư. Khi thực hiện xong kế hoạch tăng vốn, thị giá cổ phiếu sẽ bị giảm xuống trong khi cổ phiếu mới vẫn chưa về. Điều này có thể tạo ra sự hấp dẫn ngắn hạn của cổ phiếu tuy nhiên tài sản của nhà đầu tư cũng bị giảm xuống trong ngắn hạn. Và khi cổ phiếu mới về có thể tạo ra một áp lực bán nhất thời khiến thị giá cổ phiếu tiếp tục điều chỉnh giảm.

Điều chỉnh kỹ thuật giá tham chiếu tại ngày giao dịch không hưởng quyền

Giá giao dịch của cổ phiếu của Công ty sẽ được điều chỉnh theo tỷ lệ phát hành và giá phát hành tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm.

Tổng số cổ phiếu lưu hành hiện tại: 3.250.000 cổ phiếu

Trả cổ tức bằng cổ phiếu 5% trên vốn điều lệ hiện tại, tương đương 162.500 cổ phần

Số cổ phiếu chào bán ra công chúng: 4.062.500 cổ phiếu, trong đó

Phát hành cho cổ đông hiện hữu theo tỷ lệ 10:12 (cụ thể mỗi cổ đông sở hữu 10 cổ phần được quyền mua thêm 12 cổ phần mới), tương đương 3.900.000 cổ phần với giá 10.000 đồng/cổ phần.

Phát hành cho Cán bộ công nhân viên của Công ty 162.500 cổ phần với giá 10.000 đồng/cổ phần.

Tổng số cổ phiếu lưu hành sau khi chào bán và trả cổ tức: 7.475.000 cổ phiếu

Do vậy, tại thời điểm chốt danh sách thực hiện quyền mua cổ phiếu phát hành thêm, giá thị trường của cổ phiếu của Công ty sẽ được điều chỉnh theo công thức sau:

$$P_{pl} = \frac{P_t + P_r \times I}{1 + I}$$

Trong đó:

P_{pl}: Giá cổ phiếu pha loãng.

P_t: Giá giao dịch của cổ phiếu ngày trước ngày giao dịch không hưởng quyền

P_r: Giá cổ phiếu phát hành trung bình

I: Tỷ lệ tăng vốn (tỷ lệ cổ phiếu phát hành thêm trên số lượng cổ phiếu ban đầu)

Cụ thể giá tham chiếu có thể được tham khảo trên các cơ sở và giả thiết sau:

Giả sử giá thị trường của cổ phiếu trước ngày giao dịch không hưởng quyền P_t = 15.000 VND/cổ phiếu.

$$I = \frac{4.225.000}{3.250.000} = 1,3$$

$$\begin{aligned} Pr &= (3.900.000 \times 10.000 + 162.500 \times 10.000 + 162.500 \times 10.000)/4.225.000 \\ &= 10.000 \text{ VND/cổ phiếu} \end{aligned}$$

$$\begin{aligned} Ppl &= (15.000 + 1,3 \times 10.000)/(1 + 1,3) \\ &= 12.173 \text{ VND/cổ phiếu} \end{aligned}$$

Điều chỉnh các chỉ số tài chính tính toán cho một cổ phần

Do ảnh hưởng của số lượng cổ phần tăng lên, các chỉ số tài chính của Công ty tính toán cho một cổ phần sẽ được điều chỉnh đối với kỳ báo cáo sau thời điểm phát hành. Do vậy, nhà đầu tư nên lưu ý một số vấn đề sau:

* Thu nhập cơ bản trên mỗi cổ phần giảm

$$\text{EPS} = \frac{\text{Lợi nhuận sau thuế dự kiến năm 2010}}{\text{Số lượng cổ phần lưu hành bình quân trong kỳ}}$$

EPS trước khi Phát hành thêm cổ phiếu:

$$\text{EPS} = \frac{6.500.000.000}{3.250.000} = 2.000 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

EPS sau khi Phát hành thêm cổ phiếu:

$$\begin{aligned} \text{Số lượng CP} & & & 3.250.000 \times 8 + 7.475.000 \times 4 \\ \text{lưu hành bình} & = & & \\ \text{quân trong kỳ} & & & \frac{\quad}{12} = 4.658.333 \end{aligned}$$

(Ghi chú: Giả định rằng 4.225.000 cổ phần được phát hành thêm và trả cổ tức của Công ty sẽ được lưu hành vào 4 tháng cuối năm 2010 và giả sử lợi nhuận sau thuế dự kiến của năm 2010 là 4.000.000.000 đồng).

$$\text{EPS} = \frac{6.500.000.000}{4.658.333} = 1.395 \text{ đồng/cổ phiếu}$$

* Giá trị sổ sách mỗi cổ phần (mệnh giá 10.000đ/ cổ phần) giảm

$$\begin{aligned} \text{Giá trị sổ sách} & & & \text{Vốn chủ sở hữu – Nguồn kinh phí và Quỹ phúc lợi, khen thưởng} \\ \text{mỗi cổ phần} & = & & \frac{\quad}{\text{Số cổ phần lưu hành – Cổ phiếu quỹ}} \end{aligned}$$

6. **Rủi ro khác**

Các rủi ro bất khả kháng như động đất, hoả hoạn, chiến tranh, dịch bệnh... đều gây ảnh hưởng ít nhiều đến hoạt động của Công ty. Bão lớn, hoả hoạn, động đất có thể gây ảnh hưởng đến các công trình xây lắp như làm chậm tiến độ hoặc gây thiệt hại (phá huỷ một

phần hoặc hoàn toàn)... Để hạn chế tối đa những thiệt hại có thể xảy ra, Công ty dự kiến sẽ tham gia mua bảo hiểm cho tài sản và các công trình đầu tư.

II. NHỮNG NGƯỜI CHỊU TRÁCH NHIỆM CHÍNH ĐỐI VỚI NỘI DUNG BẢN CÁO BẠCH

1. Tổ chức phát hành

Ông	Trần Thanh Diệu	Tổng Giám đốc Công ty
Ông	Nguyễn Sỹ Tuấn	Kế toán trưởng
Ông	Trần Quốc Bảo	Trưởng Ban kiểm soát

Chúng tôi bảo đảm rằng các thông tin và số liệu trong Bản cáo bạch này là phù hợp với thực tế về tài sản, tình hình, kết quả và triển vọng kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.

2. Tổ chức tư vấn

Đại diện theo pháp luật:	Ông Lê Đình Ngọc
Chức vụ:	Tổng Giám đốc, Đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần Chứng khoán Thăng Long (<i>sau đây gọi tắt là Công ty Chứng khoán Thăng Long</i>)

Bản cáo bạch này là một phần của Hồ sơ đăng ký chào bán do Công ty Chứng khoán Thăng Long tham gia lập trên cơ sở hợp đồng tư vấn với Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng. Chúng tôi bảo đảm rằng việc phân tích, đánh giá và lựa chọn ngôn từ trên Bản cáo bạch này đã được thực hiện một cách hợp lý và cẩn trọng dựa trên cơ sở các thông tin và số liệu do Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng cung cấp.

III. CÁC KHÁI NIỆM

Trong Bản cáo bạch này, những từ ngữ dưới đây được hiểu như sau:

Tổ chức phát hành	Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.
Công ty kiểm toán	Công ty TNHH Kiểm toán và Đầu tư tài chính Việt Nam thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2008, Công ty TNHH Tư vấn và Kiểm toán CA&A thực hiện việc kiểm toán Báo cáo tài chính năm 2009 của Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.
Bản cáo bạch	Bản công bố thông tin của Công ty về tình hình tài chính, hoạt động kinh doanh nhằm cung cấp thông tin cho nhà đầu tư đánh giá và đưa ra các quyết định đầu tư chứng khoán.
Cổ đông	Tổ chức hoặc cá nhân sở hữu một hoặc một số cổ phần đã phát hành của Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.
Cổ phần	Vốn điều lệ được chia thành nhiều phần bằng nhau
Cổ phiếu	Chứng chỉ do Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng phát hành xác nhận quyền sở hữu của một hoặc một số cổ phần của Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.
Cổ tức	Khoản lợi nhuận ròng được trả cho mỗi cổ phần bằng tiền mặt hoặc bằng tài sản khác từ nguồn lợi nhuận còn lại của công ty sau đã thực hiện nghĩa vụ về tài chính
Điều lệ	Điều lệ của Công ty đã được Đại hội đồng cổ đông của Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng thông qua.
Tổ chức tư vấn	Công ty cổ phần Chứng khoán Thăng Long
Những người có liên quan	Cá nhân hoặc tổ chức có quan hệ với nhau trong các trường hợp sau đây: <ul style="list-style-type: none"> - Công ty mẹ và công ty con (nếu có). - Công ty và người hoặc nhóm người có khả năng chi phối việc ra quyết định, hoạt động của công ty đó thông qua các cơ quan quản lý công ty. - Công ty và những người quản lý công ty. - Nhóm người thỏa thuận cùng phối hợp để thu tóm phần vốn góp, cổ phần hoặc lợi ích ở công ty hoặc để chi phối việc ra quyết định của Công ty. - Bố, bố nuôi, mẹ, mẹ nuôi, vợ, chồng, con, con nuôi, anh, chị em ruột của người quản lý công ty, thành viên công ty, cổ đông có cổ phần chi phối.

Ngoài ra, những thuật ngữ khác (nếu có) sẽ được hiểu như quy định trong Nghị định 14/2007/NĐ-CP ngày 19/01/2007 của Chính phủ và các văn bản pháp luật khác có liên quan.

Các từ hoặc nhóm từ viết tắt trong Bản cáo bạch này có nội dung như sau:

- Công ty /CavicoEC: Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.
- TSCĐ: Tài sản cố định
- TNHH: Trách nhiệm hữu hạn
- ĐHĐCĐ: Đại hội đồng cổ đông
- HĐQT: Hội đồng quản trị
- BKS: Ban kiểm soát
- BQL DA: Ban Quản lý dự án
- UBCKNN: Ủy ban Chứng khoán Nhà nước
- SGĐCK HN: Sở Giao dịch Chứng khoán Hà Nội
- Thuế TNDN: Thuế thu nhập doanh nghiệp
- CBCNV: Cán bộ công nhân viên
- ĐKKD: Đăng ký kinh doanh
- CP: Cổ phần
- UBND: Ủy ban nhân dân
- KCN: Khu công nghiệp
- HĐ: Hợp đồng
- BCTC: Báo cáo tài chính

IV. TÌNH HÌNH VÀ ĐẶC ĐIỂM CỦA TỔ CHỨC PHÁT HÀNH

1. Tóm tắt quá trình hình thành và phát triển

Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng được thành lập theo giấy đăng ký kinh doanh số 0103005517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 03 năm 2005 với lĩnh vực hoạt động chính là đầu tư, xây dựng cơ bản, tư vấn đầu tư và tư vấn tài chính. Nhờ nguồn tài chính vững mạnh và uy tín lâu năm của các cổ đông sáng lập như Habubank, Công ty Cavico Việt Nam, và Công ty Cổ phần Cavico Đầu tư Phát triển Năng lượng, Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng đã nhanh chóng tạo được chỗ đứng của mình trong thị trường xây dựng, và được tin tưởng giao nhiệm vụ thi công các công trình trọng điểm quốc gia.

Xác định tập trung nguồn lực vào lĩnh vực xây dựng các công trình thủy điện, xây dựng dân dụng công nghiệp và xây dựng các công trình cầu đường, bóc xúc đất đá khai thác mỏ, ngay sau khi thành lập Công ty đã đầu tư 60 tỷ đồng để mua sắm thiết bị chuyên dụng và hiện đại, công suất lớn của các hãng lớn như Caterpillar, Tamrock, Armann, Atlas Copco... Bên cạnh đó, Công ty còn chú trọng và tập trung xây dựng mô hình quản lý tiên tiến, năng động; tập hợp một đội ngũ cán bộ công nhân viên trẻ, được đào tạo bài bản qua các trường lớp và giàu kinh nghiệm thực tế.

Hợp đồng thi công đập chính thủy điện Buôn Tua Srah, tỉnh Đắk Lắk, Đắk Nông là mốc đánh dấu sự tham gia của Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng vào thị trường xây dựng. Giá trị hợp đồng lên tới 300 tỷ đồng, với thời gian thi công từ 2005 đến 2008. Dự án này cũng đánh giá sự thay đổi trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.

Để đảm bảo tiến độ thi công và chất lượng công trình, trong năm 2006, Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng đã đầu tư mua sắm thêm thiết bị, nâng tổng giá trị tài sản công ty lên 80 tỷ đồng. Đồng thời công ty tiến hành tăng vốn điều lệ từ 20 tỷ đồng lên 32,5 tỷ đồng trong tháng 05 năm 2007.

Ngoài những kết quả đạt được trong lĩnh vực thi công xây lắp, từ năm 2006 Công ty đã tham gia góp vốn đầu tư vào các công ty khác như: Công ty cổ phần cơ điện xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi II, Công ty cổ phần Đầu tư và Tư vấn Nam Việt, Công ty cổ phần Cavico Tower, Công ty cổ phần Cavico PHI. Hội đồng quản trị của Công ty cũng đã thông qua kế hoạch tham gia góp vốn sáng lập Công ty cổ phần Cavico Đầu tư và Phát triển địa ốc với giá trị góp vốn 6 tỷ đồng.

Nhờ những thành tích trong lĩnh vực hoạt động, Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng đã vinh dự được nhận bằng khen của Cavico Việt Nam hai năm liên tiếp (2005, 2006) và đặc biệt là bằng khen của Tổng liên đoàn lao động thành phố Hà Nội các năm (2006, 2008).

Tự tin với uy tín đã gây dựng, cùng với sự giúp đỡ, hợp tác chặt chẽ của các cổ đông và khách hàng, Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng sẽ tập trung thực hiện và đẩy mạnh phát triển các hoạt động sản xuất kinh doanh, đặc biệt là lĩnh vực xây dựng cơ bản.

2. **Một số thông tin cơ bản về Công ty**

- Tên Công ty: Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng
- Tên giao dịch: ENERGY CONSTRUCTION JOINT STOCK COMPANY
- Tên viết tắt: CavicoEC
- Địa chỉ: Tầng 7, tòa nhà Sông Đà, đường Phạm Hùng, xã Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại: (84 - 4) 3768 4111
- Fax: (84 - 4) 3768 4644
- Website: www.CavicoEC.com
- Email: info@CavicoEC.com
- Logo:

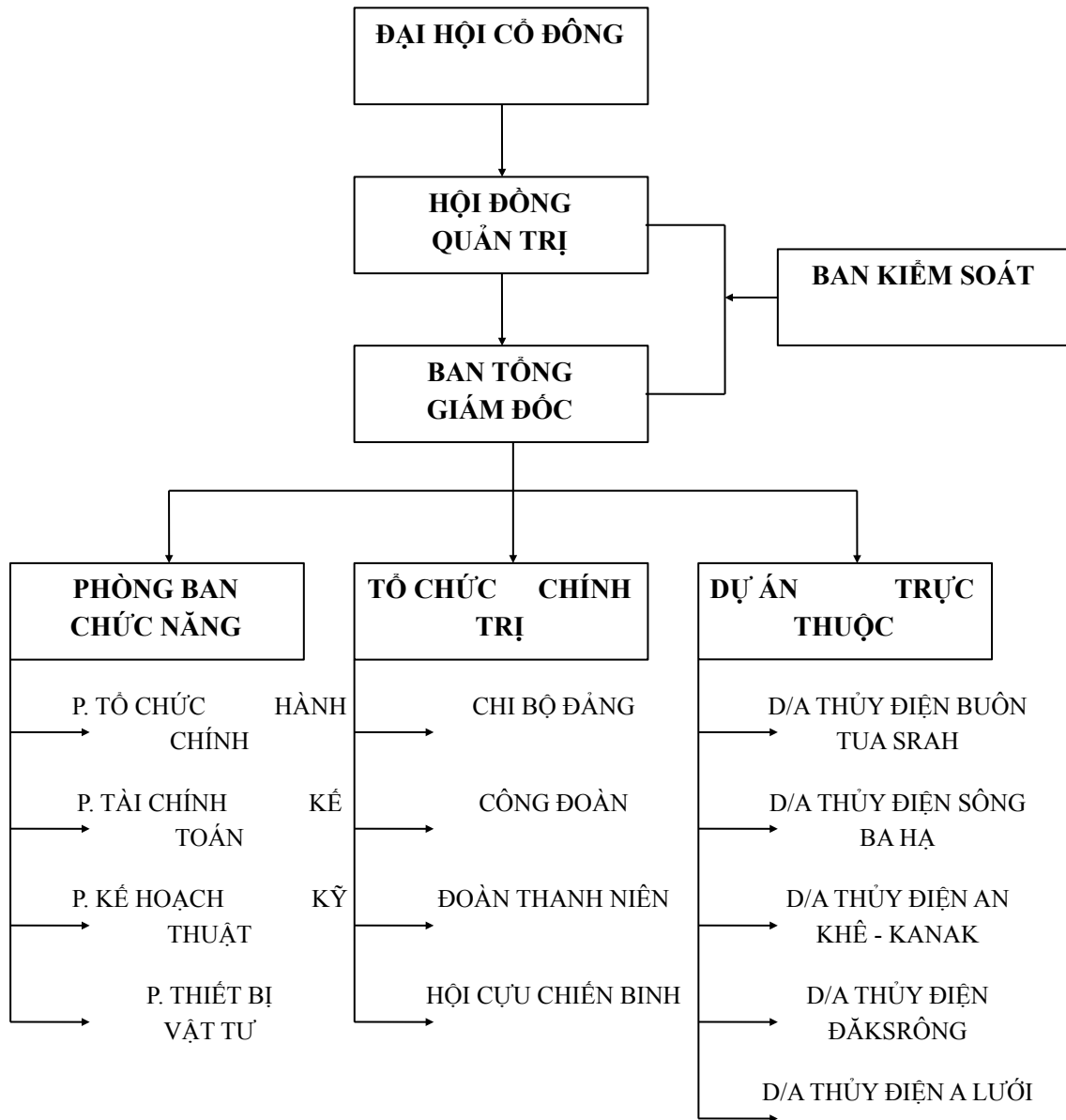


- Giấy chứng nhận ĐKKD số 0103005517 do Sở Kế hoạch và Đầu tư Thành phố Hà Nội cấp ngày 04 tháng 03 năm 2005, đăng ký thay đổi lần thứ 05 ngày 03 tháng 06 năm 2010.
- Vốn điều lệ hiện tại: 32.500.000.000 đồng (Ba mươi hai tỷ năm trăm triệu đồng)
- Lĩnh vực kinh doanh:
- Xây dựng các công trình giao thông, thủy lợi;
- Xây dựng dân dụng và công nghiệp;
- Bóc xúc đất đá mỏ;
- Dịch vụ cho thuê máy móc thiết bị;
- Buôn bán vật tư máy móc thiết bị phục vụ ngành xây dựng, giao thông, thủy điện;
- Đại lý mua, bán, ký gửi hàng hóa;
- Buôn bán vật liệu xây dựng;
- Xây lắp các công trình điện đến 110KV;

- Khai thác, chế biến và tận thu khoáng sản (trừ các loại khoáng sản Nhà nước cấm);
- Sản xuất và mua bán điện;
- Dịch vụ vận chuyển hành khách bằng ô tô theo tuyến cố định, theo hợp đồng, bằng taxi, bằng xe buýt, vận tải hàng.
- Kinh doanh bất động sản, xây dựng chung cư, xây dựng nhà để bán, xây nhà cho thuê (không bao gồm hoạt động tư vấn giá đất).

3. **Cơ cấu tổ chức của Công ty**

Sơ đồ 1: Sơ đồ cơ cấu tổ chức



Hiện tại, Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng đang áp dụng mô hình tổ chức của Công ty Cổ phần. Mô hình quản trị này được xây dựng dựa trên mục tiêu phát triển chiến lược kinh doanh của Công ty, tuân thủ theo các quy định của Pháp luật Việt Nam và các quy định tại Điều lệ Công ty. Qua quá trình phát triển và ngày càng kiện toàn bộ máy quản lý, hiện bộ máy quản lý của Công ty có cơ cấu tổ chức như sau:

❖ **Đại hội đồng cổ đông**

Đại hội đồng cổ đông gồm tất cả các cổ đông có quyền biểu quyết, là cơ quan có thẩm quyền cao nhất của Công ty. Đại hội đồng cổ đông họp ít nhất mỗi năm một lần. ĐHĐCĐ có các quyền sau:

- Thông qua việc sửa đổi, bổ sung Điều lệ;
- Thông qua kế hoạch phát triển của Công ty, thông qua báo cáo tài chính hàng năm, các báo cáo của BKS, của HĐQT và của các kiểm toán viên;
- Quyết định số lượng thành viên của HĐQT;
- Bầu, bãi nhiệm, miễn nhiệm thành viên HĐQT và BKS;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ **Hội đồng quản trị**

HĐQT Công ty gồm 05 thành viên do Đại hội đồng cổ đông bầu, miễn nhiệm hoặc bãi nhiệm, bao gồm: Chủ tịch HĐQT và các Ủy viên HĐQT. Hoạt động kinh doanh và các công việc của Công ty phải chịu sự quản lý và chỉ đạo thực hiện của HĐQT. HĐQT là cơ quan có đầy đủ quyền hạn để thực hiện tất cả các quyền nhân danh Công ty, trừ những thẩm quyền thuộc về ĐHĐCĐ. HĐQT có các quyền sau:

- Quyết định cơ cấu tổ chức, bộ máy của Công ty;
- Quyết định chiến lược đầu tư, phát triển của Công ty trên cơ sở các mục đích chiến lược do ĐHĐCĐ thông qua;
- Bổ nhiệm, miễn nhiệm, cách chức, giám sát hoạt động của Ban Giám đốc và Kế toán trưởng;
- Kiến nghị sửa đổi bổ sung Điều lệ, báo cáo tình hình kinh doanh hàng năm, báo cáo tài chính, quyết toán năm, phương án phân phối, sử dụng lợi nhuận và phương hướng phát triển, kế hoạch phát triển sản xuất kinh doanh và ngân sách hàng năm của Công ty trình ĐHĐCĐ;
- Triệu tập, chỉ đạo chuẩn bị nội dung và chương trình cho các cuộc họp ĐHĐCĐ;
- Đề xuất việc tái cơ cấu lại hoặc giải thể Công ty;
- Các quyền khác được quy định tại Điều lệ.

❖ Ban Kiểm soát

Ban Kiểm soát là cơ quan trực thuộc ĐHĐCĐ, do ĐHĐCĐ bầu ra. Ban Kiểm soát hoạt động độc lập với Hội đồng quản trị và Ban Tổng Giám đốc. Ban Kiểm soát có nhiệm vụ kiểm tra tính hợp lý, hợp pháp trong hoạt động sản xuất kinh doanh, quản trị và điều hành Công ty. Hiện tại, Ban Kiểm soát của Công ty gồm 03 thành viên do ĐHĐCĐ bầu ra và bãi miễn. Nhiệm kỳ của Ban Kiểm soát là 05 năm.

❖ Ban Tổng Giám đốc

Ban Tổng Giám đốc của Công ty gồm có 01 Tổng Giám đốc và 05 Phó Tổng Giám đốc. Tổng Giám đốc là người điều hành hoạt động hàng ngày của Công ty và chịu trách nhiệm trước HĐQT về việc thực hiện các quyền và nhiệm vụ được giao. Phó Tổng Giám đốc là người giúp việc cho Tổng Giám đốc và chịu trách nhiệm trước Tổng Giám đốc về phần việc được phân công, chủ động giải quyết những công việc đã được Tổng Giám đốc ủy quyền và phân công theo đúng Điều lệ và Quy chế quản trị của Công ty. Ban Giám đốc có nhiệm vụ:

- Tổ chức điều hành, quản lý mọi hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty theo nghị quyết, quyết định của HĐQT, nghị quyết của ĐHĐCĐ, Điều lệ Công ty và tuân thủ pháp luật;
- Xây dựng và trình HĐQT các quy chế quản lý điều hành nội bộ, kế hoạch sản xuất kinh doanh và kế hoạch tài chính hàng năm và dài hạn của Công ty;
- Đề nghị HĐQT quyết định bổ nhiệm, miễn nhiệm, khen thưởng kỷ luật đối với Phó Tổng Giám đốc, Kế toán trưởng, Trưởng văn phòng đại diện;
- Ký kết, thực hiện các hợp đồng kinh tế, hợp đồng dân sự theo quy định của pháp luật;
- Báo cáo HĐQT về tình hình hoạt động, kết quả sản xuất kinh doanh, chịu trách nhiệm trước HĐQT, ĐHĐCĐ và pháp luật về những sai phạm gây tổn thất cho Công ty;
- Thực hiện các nghị quyết của HĐQT và ĐHĐCĐ, kế hoạch kinh doanh và kế hoạch đầu tư của Công ty đã được HĐQT và ĐHĐCĐ thông qua;
- Các nhiệm vụ khác được quy định tại Điều lệ.

Tổng Giám đốc là người đại diện trước pháp luật của Công ty.

❖ Các Phòng ban chuyên môn nghiệp vụ

Phòng Tổ chức – Hành chính

- Đề xuất và triển khai hệ thống bộ máy tổ chức; soạn thảo ban hành các quy chế, quy định, quyết định liên quan đến nhân sự;
- Quản lý hồ sơ nhân sự toàn công ty, công tác lương và các chế độ cho người lao động, công tác tuyển dụng nguồn nhân lực, phát triển chiến lược đào tạo nhân sự;
- Công tác tổng hợp báo cáo: Tổng hợp báo cáo của các đơn vị, nhận xét đánh giá và đề ra phương hướng nhiệm vụ mới cho Tổng giám đốc công ty;
- Quản lý các thủ tục pháp lý Công ty; Quản lý nghiệp vụ hành chính văn phòng; trang bị văn phòng phẩm; đảm bảo thông tin liên lạc. Tổ chức thực hiện công tác lễ tân, tổ chức hội nghị, đại hội;
- Phối hợp hoạt động với các phòng ban chức năng, các dự án trong Công ty.

Phòng Tài chính – Kế toán

- Tham mưu cho Tổng Giám đốc về công tác quản lý Tài chính – Kế toán;
- Nguồn tài chính: Giúp Tổng Giám đốc định hướng, tiếp xúc các nguồn tài chính; lập dự án vay vốn ngân hàng, lập và thực hiện giải ngân vốn vay theo tiến trình; xây dựng hệ thống quản lý, lưu trữ các giấy tờ tài liệu có liên quan đến việc vay vốn;
- Quản lý dòng tiền; lập kế hoạch dòng tiền (thu, chi, nguồn bổ sung...);
- Quản lý các khoản chi phí SXKD, tổ chức hạch toán kế toán về hoạt động SXKD của Công ty theo đúng pháp lệnh kế toán thống kê do Nhà nước ban hành và các quy định của Công ty;
- Thực hiện các công tác báo cáo theo quy định: Báo cáo kế toán, báo cáo cơ quan thuế, báo cáo kiểm toán...;
- Quản lý hồ sơ pháp lý của cổ đông;
- Phối hợp hoạt động với các phòng ban chức năng, các dự án trong Công ty.

Phòng Kế hoạch – Kỹ thuật

- Tổng hợp xây dựng định hướng hoạt động và kế hoạch SXKD của Công ty; báo cáo tổng hợp tình hình thực hiện kế hoạch SXKD tại mỗi dự án của toàn Công ty;
- Phối hợp cùng các phòng ban để xây dựng đồng bộ các mặt kế hoạch: kế hoạch sử dụng vốn, kế hoạch vật tư, vật liệu, kế hoạch thiết bị - vật tư phụ tùng, kế hoạch lao động tiền lương....;

- Công tác pháp lý liên quan: giải quyết các thủ tục hợp đồng đấu thầu; đàm phán, ký kết, triển khai và thanh lý hợp đồng; giải quyết các thủ tục quyết toán công trình: tạm ứng hợp đồng, thanh toán theo từng giai đoạn, giá trị phát sinh bù giá, thanh quyết toán hợp đồng;
- Quản lý, kiểm tra, hướng dẫn dự án thực hiện đúng quy trình, quy phạm kỹ thuật, tuân thủ điều khoản chất lượng trong hợp đồng kinh tế; nghiên cứu ứng dụng tiến bộ mới trong công tác thi công;
- Phối hợp hoạt động với các phòng ban chức năng, các dự án trong Công ty.

Phòng Thiết bị - Vật tư

- Quản lý trang thiết bị thi công, lập kế hoạch huy động, điều chuyển thiết bị máy móc; theo dõi tình hình hoạt động của máy móc thiết bị; xây dựng quy chế quản lý thiết bị, các quy trình vận hành và bảo dưỡng máy móc thiết bị;
- Biên soạn tài liệu, tổ chức đào tạo tay nghề về khai thác sử dụng và sửa chữa cho thợ vận hành và thợ sửa chữa;
- Lập kế hoạch cung ứng vật tư cho công trường, thống kê và gia công vật tư; nghiên cứu thị trường vật tư, đảm bảo nguồn cung ứng vật tư kịp thời cho sản xuất;
- Quản lý vật tư, thống kê nhập xuất tồn vật tư, bảo quản, kiểm kê kho vật tư;
- Phối hợp hoạt động với các phòng ban chức năng, các dự án trong Công ty.

Ban chỉ huy công trường tại các dự án

- Ban chỉ huy công trường đại diện cho Công ty tại công trình, quan hệ với chủ đầu tư, bên A, các đơn vị thi công khác, với cơ quan và chính quyền địa phương để hoàn thành nhiệm vụ được giao;
- Xây dựng kế hoạch SXKD trên cơ sở yêu cầu tiến độ, chất lượng xây dựng công trình đã được bên A hoặc Công ty duyệt;
- Xây dựng cơ cấu tổ chức quản lý điều hành theo quy định của Công ty, đảm bảo các bộ phận chuyên môn hoạt động hiệu quả, đáp ứng các yêu cầu quản lý của Dự án và Công ty. Chỉ đạo, giám sát các bộ phận, các tổ đội thi công thực hiện đúng theo các quy chế, quy định quản lý hiện hành của Công ty, các quy định chung trên công trường.

- Các bộ phận chức năng thực hiện theo quy chế quản lý ngành dọc, chịu sự điều hành trực tiếp của Ban chỉ huy đồng thời thực hiện chịu sự giám sát toàn diện của các phòng ban chức năng của Công ty.
4. **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của công ty; Danh sách cổ đông sáng lập và tỉ lệ cổ phần nắm giữ; Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/6/2010**
- ❖ **Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty**

Bảng 1: Danh sách cổ đông nắm giữ từ trên 5% vốn cổ phần của Công ty tại thời điểm 30/06/2010

TT	Tên	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (%)	Giá trị (đồng)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Cavico Việt Nam	733.855	22,58	7.338.550.000	Tầng 6, tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Mỹ Đình, Từ Liêm, Hà Nội
2	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội	274.000	8,43	2.740.000.000	Số 15-17 Ngọc Khánh, Ba Đình, Hà Nội
3	Công ty CP Chứng khoán NH NN&PTNT VN	487.175	14,99	4.871.750.000	Tầng 4, tòa nhà C3 Phương Liệt, Thanh Xuân, Hà Nội
4	Ông Hoàng Hải	200.190	6,16	2.001.900.000	09B, TT Đường Sắt, Khâm Thiên, Đống Đa, Hà Nội.
Tổng cộng		1.695.220	52,16	16.950.220.000	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng)

- ❖ **Danh sách cổ đông sáng lập**

Bảng 2: Danh sách cổ đông sáng lập

TT	Tên	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ cổ phần nắm giữ (%)	Giá trị (nghìn đồng)	Địa chỉ
1	Công ty TNHH Cavico Việt Nam Đại diện: Ông Hoàng Anh	516.000	15,9%	5.160.000	Tầng 6, tòa nhà Sông Đà, Phạm Hùng, Từ Liêm, HN
2	Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội. Đại diện: Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	274.000	8,4%	2.740.000	B7, Giảng Võ, Ba Đình, HN
3	Bà Nguyễn Thị Thanh Bình	142.000	4,4%	1.420.000	B7, Giảng Võ, Ba Đình, HN
4	Tổng Cộng	932.000	28,7%	9.320.000	

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng)

❖ Cơ cấu cổ đông

Bảng 3: Cơ cấu cổ đông tại thời điểm 30/06/2010

Cơ cấu vốn	Số cổ phần	Giá trị (đồng)	Tỷ lệ (%)
I Cổ đông trong nước	2.516.145	25.161.450.000	77,42
1 Cổ đông tổ chức	761.175	7.611.750.000	23,42
2 Cổ đông cá nhân	1.754.970	17.549.700.000	54,00
II Cổ đông nước ngoài	733.855	7.338.550.000	22,58
1 Cổ đông tổ chức	733.855	7.338.550.000	22,58
2 Cổ đông cá nhân	0	0	0,00
Tổng	3.250.000	32.500.000.000	100

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng)

5. Danh sách công ty mẹ và công ty con của tổ chức phát hành, những công ty mà tổ chức phát hành đang nắm giữ quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối, những công ty nắm quyền kiểm soát hoặc cổ phần chi phối đối với tổ chức phát hành

5.1 Công ty mẹ của Công ty: Không có

5.2 Công ty con của Công ty: Không có

6. Hoạt động kinh doanh

6.1 Hoạt động kinh doanh chính của Công ty

❖ Thi công thủy điện và thủy lợi

Đây là hoạt động kinh doanh chính, đóng góp chủ yếu vào doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Do đó, CavicoEC đã tập trung nguồn lực, kỹ thuật và con người vào hoạt động này.

Một số dự án mà Công ty đã và đang thực hiện:

- **Thủy điện An Khê - Kanak**

Công trình thủy điện An Khê – Kanak được khởi công ngày 14/11/2005, gồm 02 cụm công trình là Kanak và An Khê.

Cụm công trình Kanak thuộc địa phận xã Đông, xã Lơ Ku và thị trấn K’Bang, huyện K’Bang, tỉnh Gia Lai. Cụm công trình An Khê thuộc xã Cửu An, Thành An, Tú An thuộc thị xã An Khê và các xã Nghĩa An, xã Kongbla, xã Đăkhlơ thuộc huyện K’Bang, tỉnh Gia Lai. Khu vực nhà máy An Khê thuộc xã Tây Thuận, huyện Tây Sơn, tỉnh Bình Định.

Chủ đầu tư dự án là Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Ban quản lý dự án thủy điện 7 là đơn vị trực tiếp quản lý dự án. Tổng công ty xây dựng Sông Đà được giao nhiệm vụ đứng đầu tổ hợp nhà thầu xây dựng.

Công trình thủy điện An Khê – Kanak thuộc sơ đồ quy hoạch bậc thang thủy điện trên hệ thống sông Ba. Nhà máy có tổng công suất lắp máy 173MW, trong đó công suất của nhà máy cụm đầu mỗi Kanak là 13MW, cụm đầu mỗi



An Khê là 160 MW. Sản lượng điện sản xuất trung bình hàng năm khoảng 694 triệu KWh với tổng mức đầu tư khoảng 3.740 tỷ đồng. Theo kế hoạch nhà máy sẽ phát điện vào tháng 07/2009.

Nhiệm vụ chính của CavicoEC trong dự án này là thi công đào hố móng, đắp đá đập chính Kanak với tổng giá trị hợp đồng 160 tỷ đồng. Thời gian thi công hạng mục công trình từ 2006 đến 2008.

- **Thủy điện Buôn Tua Srah**

Hợp đồng thi công đập chính thủy điện Buôn Tua Srah – tỉnh Đak Lak, Đak Nông là mốc sự kiện đánh dấu sự tham gia của CavicoEC vào thị trường xây dựng Việt Nam. Hợp đồng có giá trị lên tới 250 tỷ đồng. Tổng mức đầu tư dự án khoảng 3.000 tỷ đồng.

Công trình thủy điện Buôn Tua Srah nằm trên sông Krong Nông, thuộc sơ đồ điện V trên hệ thống sông Sêrepok, xã Nam Ka, huyện Lăk, tỉnh Đăk Lăk và xã Quảng Phú, huyện

Krông Nô, tỉnh Đắk Nông. Chủ đầu tư là Tổng Công ty Điện lực Việt Nam, Ban Quản lý Dự án Thủy điện 5 là đơn vị trực tiếp quản lý dự án.



Tổng công suất lắp máy của nhà máy là 86MW, gồm 02 tổ máy 43MW. Lượng điện sản xuất trung bình hàng năm đạt 360 triệu KWh. Công trình được khởi công xây dựng ngày 25/11/2004. Theo kế hoạch nhà máy sẽ phát điện tổ máy số 2 vào tháng 02/2009.

Công trình được thực hiện bởi liên danh Công ty Cổ phần Công trình ngầm (Vinavico) - Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng (CavicoEC), do Tổng Công ty Vinaconex đứng đầu. Liên danh chịu trách nhiệm thi công đập chính dâng nước phân hạ lưu, kết cấu đập là đập đá đổ lõi đất. Khối lượng đào là 1,8 triệu m³ đất đá, đắp 1,3 triệu m³ đá và 0,9 triệu m³ đất. Giá trị hợp đồng khoảng 300 tỷ đồng trong đó CavicoEC thực hiện 250 tỷ đồng.

- **Thủy điện Sông Mực**

Công trình được xây dựng trên sông Mực, xã Hải Vân, huyện Như Thanh, cách thành phố Thanh Hóa 60Km về phía Tây Nam. Đây là dự án liên doanh giữa Tổng công ty cơ điện xây dựng nông nghiệp AGRIMECO và Tập đoàn điện lực TOHOKU Nhật Bản. Công trình dự kiến sẽ hòa lưới điện quốc gia vào Quý I - 2008.

CavicoEC chịu trách nhiệm thi công nhà điều hành, sửa chữa nhà máy dự án thủy điện Sông Mực. Giá trị hợp đồng là 3 tỷ đồng. Dự án được tiến hành từ năm 2006.

- **Thủy điện Sông Ba Hạ**

Công trình thủy điện Sông Ba Hạ nằm trên sông Ba, trong sơ đồ quy hoạch Nhà máy thủy điện trên hệ thống sông Ba, thuộc địa phận xã Suối Trai, huyện Sơn Hoà, tỉnh Phú Yên. Chủ đầu tư dự án là Tổng Công ty Điện lực Việt Nam. Ban Quản lý Dự án Thủy điện 3 (nay tách thành Ban Quản lý Dự án Thủy điện 7) là đơn vị trực tiếp quản lý dự án. Tổng Công ty Cơ điện Xây dựng Nông nghiệp và Thủy lợi được giao nhiệm vụ làm tổng thầu xây lắp. Nhà máy có tổng công suất lắp máy 240 MW, với tổng mức đầu tư khoảng 4.500 tỷ đồng.



Tháng 07/2005, được sự đồng ý của chủ đầu tư, CavicoEC tham gia các hạng mục như thi công bê tông công dẫn dòng, đập tràn, tường cánh hạ lưu phải, bê tông nhà máy (khối lượng 80.000 m³) và thi công đắp đập đất đập chính (250.000 m³). Giá trị hợp đồng khoảng 90 tỷ đồng.

Các hạng mục công trình này đã được hoàn thành vào tháng 12/2006.

❖ **Xây dựng dân dụng**

Bên cạnh việc tập trung vào lĩnh vực thủy điện, thủy lợi, CavicoEC cũng chú trọng đến việc thi công công trình dân dụng, nhằm tận dụng lợi thế và uy tín của mình trong thị trường xây dựng.

❖ **Xây dựng giao thông**

Trong giai đoạn hiện đại hóa đất nước, nhu cầu xây dựng, mở rộng đường giao thông ngày càng tăng lên rõ rệt. Xác định được lĩnh vực đầy triển vọng này, Ban lãnh đạo CavicoEC đã triển khai việc thi công các dự án về giao thông, với quyết tâm đẩy mạnh ngành nghề kinh doanh sản xuất của công ty.



❖ **Bốc xúc đá mỏ**

Để thực hiện thành công sứ mệnh trở thành Công ty đa doanh với thế mạnh hàng đầu trong lĩnh vực xây dựng cơ bản, CavicoEC đã đầu tư trang thiết bị cho lĩnh vực thi công bốc xúc đất đá mỏ.



❖ **Kinh doanh, cho thuê thiết bị**

Nhằm tận dụng thế mạnh về trang thiết bị chuyên dụng, với tổng giá trị tài sản cố định lên tới 80 tỷ đồng, CavicoEC đã và đang cho thuê hệ thống máy và thiết bị thi công hiện đại bậc nhất của mình, với mong muốn giúp các nhà thầu đạt chất lượng cao và thực hiện đúng tiến độ các dự án.



❖ Kinh doanh mua bán vật liệu xây dựng

Nhu cầu vật liệu xây dựng đang ngày càng tăng, giá nguyên vật liệu trên thị trường cũng có nhiều biến động trong thời gian qua. Nhận thấy tiềm năng phát triển của lĩnh vực kinh doanh này, CavicoEC đang triển khai các dự án nhằm cung cấp vật liệu xây dựng cho các công trình công ty đang thi công, cũng như cho các công trình trọng điểm khác của đất nước.

❖ Đầu tư thủy điện, khu đô thị



Ngoài việc trực tiếp tham gia thi công các công trình thủy điện, CavicoEC còn thể hiện thế mạnh của mình trong thị trường xây dựng Việt Nam bằng việc đầu tư tài chính vào các công trình thủy điện và khu đô thị.

6.2 Sản lượng sản phẩm/giá trị dịch vụ các năm 2008 và năm 2009 và 6 tháng đầu năm 2010.

Bảng 4: Cơ cấu doanh thu thuần của Công ty

Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2008		Năm 2009		6 tháng đầu năm 2010	
	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (đồng)	Tỷ trọng (%)
Thi công thủy điện và thủy lợi	117.502.253.883	89,85	101.069.972.730	88,50	27.158.544.108	96,41
Kinh doanh cho thuê thiết bị	380.422.203	0,29	264.327.273	0,23	415.454.546	1,47

Các hoạt động khác	12.743.289.229	9,86	12.873.640.300	11,27	596.153.834	2,12
TỔNG	130.625.965.315	100	114.207.940.303	100	28.170.152.492	100

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC 06 tháng đầu năm 2010 của CavicoEC)

Từ bảng cơ cấu doanh thu của Công ty trong những năm vừa qua có thể thấy hoạt động thi công thủy điện và thủy lợi là hoạt động chủ lực và quan trọng nhất của CavicoEC trong thời điểm hiện tại. Hoạt động này chiếm tỷ trọng lớn nhất trong cơ cấu doanh thu với tỷ lệ 89,85% năm 2008, 88,50% năm 2009 và 96,41% trong 6 tháng đầu năm 2010. Hai hoạt động còn lại là kinh doanh cho thuê thiết bị và các hoạt động khác chiếm phần không đáng kể trong cơ cấu doanh thu. Trong năm 2008 và năm 2009 doanh thu từ hoạt động kinh doanh thiết bị chiếm tỷ lệ rất nhỏ nhưng trong 6 tháng đầu năm tỷ lệ này đã tăng đáng kể với 1,47%.

Tuy nhiên, doanh thu thuần của Công ty trong những năm vừa qua lại có xu hướng giảm. Năm 2008, doanh thu của CavicoEC đạt 130,63 tỷ đồng nhưng đến năm 2009 con số này chỉ còn 114,21 tỷ đồng và trong 6 tháng đầu năm doanh thu thuần của công ty chỉ là 28.17 tỷ đồng, điều này là do đặc thù của ngành xây dựng, việc hạch toán các hợp đồng thường được thực hiện vào các quý cuối năm.

Bảng 5: Cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty

Tên sản phẩm, dịch vụ	Năm 2008		Năm 2009		6 tháng đầu năm 2010	
	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)	Giá trị (Triệu đồng)	Tỷ trọng (%)
Thi công thủy điện và thủy lợi	5.293.638.632	84,73	6.519.765.591	86,66	4.863.765.238	100,56
Kinh doanh cho thuê thiết bị	109.197.841	1,75	160.040.480	2,12	246.574.000	5,10
Các hoạt động khác	844.746.813	13,52	844.746.813	11,22	-273.600.955	NA
TỔNG	6.247.583.286	100	7.524.552.884	100	4.836.738.283	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC 06 tháng đầu năm 2010 của CavicoEC)

Lợi nhuận gộp của hoạt động thi công thủy điện và thủy lợi chiếm tỷ lệ lớn nhất trong cơ cấu lợi nhuận gộp của Công ty và tỷ lệ này có xu hướng tăng trong những năm vừa qua. Trong năm 2008 tỷ lệ lợi nhuận gộp của hoạt động này chiếm 84,73%, tăng lên 86,66% trong năm 2009 và đạt 100,56% trong 6 tháng của năm 2010. Bên cạnh hoạt động thi công thủy điện và thủy lợi, hoạt động kinh doanh thiết bị cho thuê cũng có tỷ suất lợi nhuận gộp tăng lên hàng năm. Trong 6 tháng đầu năm 2010 tỷ lệ lợi nhuận gộp của hoạt động này chiếm tới 5,10%. Các hoạt động khác của Công ty là hoạt động thương mại bán vật liệu xây dựng cho các thầu phụ. Do trong kỳ có sự tăng giá mạnh của các vật liệu xây

dựng nên để nhằm đảm bảo tiến độ công trình và chia sẻ khó khăn với các thầu phụ dẫn đến mảng hoạt động kinh doanh này trong 6 tháng đầu năm bị lỗ.

Mặc dù doanh thu thuần của Công ty có xu hướng giảm trong những năm qua, tuy nhiên lợi nhuận gộp của CavicoEC lại có xu hướng tăng lên. Trong năm 2008, lợi nhuận gộp của Công ty đạt 6,25 tỷ đồng. Con số này tăng lên 7,52 tỷ đồng trong năm 2009 và trong 6 tháng đầu năm 2010 con số lợi nhuận gộp của CavicoEC đã đạt mức 4,84 tỷ đồng do tỷ trọng giá vốn/doanh thu thuần của Công ty có xu hướng giảm.

6.3 Nguyên vật liệu

Nguồn nguyên, nhiên vật liệu

Nguồn cung cấp vật liệu đầu vào của Công ty nhìn chung có sự ổn định tương đối. Thị trường vật liệu xây dựng và các yếu tố đầu vào khác phục vụ cho hoạt động thi công, xây lắp trong thời gian qua như xi măng, sắt thép xây dựng, điện, dầu máy... mặc dù có những biến động theo chiều hướng tăng về giá cả nhưng vẫn đa dạng về nguồn hàng, chủng loại hàng và số lượng các nhà cung cấp. Giá cả của các vật liệu xây dựng tăng là xu thế chung của toàn thế giới, các nhà sản xuất và các nhà cung cấp phải tăng giá bán lên tương ứng. Bên cạnh đó, do nền kinh tế phát triển, nhu cầu xây dựng cơ sở hạ tầng ngày càng lớn cùng với chiến lược phát triển ngành của Chính Phủ cũng có những tác động nhất định đến thị trường các yếu tố đầu vào của hoạt động thi công xây lắp, tuy nhiên đây chỉ là những biến động có tính ngắn hạn, về lâu dài khi nguồn cung và cầu về vật liệu xây dựng tương ứng với nhau thì thị trường sẽ bình ổn.

Bảng 6: Danh sách một số nhà cung cấp nguyên vật liệu

Nhà cung cấp	Sản phẩm
- Công ty Vật liệu nổ Quốc Phòng (GAET)	Vật liệu nổ
- Công ty Hoá chất Mỏ Tây Nguyên (Mico)	
- Công ty CP Vận tải và dịch vụ Petrolimex (PTS Sài Gòn)	Xăng dầu
- Công ty Xăng dầu Nam Tây Nguyên	
- Công ty Xăng dầu Bắc Tây Nguyên	
- Công ty TNHH TM XNK Dịch vụ Đình Gia	Xi măng
- Công ty TNHH Xi măng Luks	
- Công ty thép Kim khí Miền Trung	
- Công ty Xây dựng Thương mại Thảo Nam	Vật tư
- Công ty CP Vtrac	
- Công ty AtlasCoopco, Open Asia	

(Nguồn: Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng)

Sự ổn định của các nguồn cung cấp

Xác định sự ổn định của nguyên vật liệu đầu vào là nhân tố quan trọng trong hoạt động sản xuất kinh doanh của mình, Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng chủ động trong việc tìm kiếm nguồn cung cấp nguyên liệu đầu vào cũng như giữ quan hệ với các nhà cung cấp chính. Công ty đã xây dựng được quan hệ chiến lược lâu dài với một số nhà cung cấp chính, có năng lực cung ứng tốt với giá cả cạnh tranh, nhằm đảm bảo về chất lượng và sự ổn định của nguyên liệu đầu vào.

Ảnh hưởng của giá cả nguyên vật liệu tới doanh thu, lợi nhuận

Sự biến động giá cả nguyên vật liệu theo chiều hướng tăng trong thời gian ngắn sẽ làm cho kinh phí đầu tư của các chủ đầu tư tăng theo. Điều này ảnh hưởng đến chi phí đầu vào của CavicoEC nói riêng cũng như hoạt động sản xuất kinh doanh của các công ty trong ngành xây dựng.

Là một công ty hoạt động chủ yếu trong lĩnh vực xây lắp, chi phí sản xuất của Công ty chịu nhiều ảnh hưởng bởi sự biến động giá cả nguyên vật liệu xây dựng như sắt thép, xi măng... Khi giá cả vật liệu xây dựng tăng đột biến sẽ nhanh chóng tác động đến giá cả các yếu tố đầu vào của Công ty, đẩy chi phí lên cao đối với các hợp đồng thi công dài hạn đã ký, điều này có thể gây ảnh hưởng đến doanh thu và lợi nhuận của Công ty. Tuy nhiên, Công ty đã có những biện pháp nhất định để hạn chế sự ảnh hưởng từ sự thay đổi về chi phí đầu vào đến hoạt động sản xuất kinh doanh của mình.

Biện pháp hạn chế rủi ro về giá thành nguyên vật liệu

Nhận thức rõ sự ảnh hưởng của giá thành nguyên vật liệu lên các chỉ tiêu kinh doanh, Công ty đã có kế hoạch và biện pháp chủ động nhằm hạn chế rủi ro như sau:

- Tìm kiếm các nhà cung cấp mới nhằm tạo sự chủ động về nguồn nguyên vật liệu. Thường xuyên đánh giá, nhận định về năng lực cung cấp thông qua các yếu tố về chất lượng sản phẩm, thời gian cung cấp, giá cả, mức độ tín dụng...
- Ký kết hợp đồng dài hạn với các nhà cung cấp nhằm hạn chế tác động của nguyên vật liệu lên giá thành công trình.
- Tính toán yếu tố tăng giá, trượt giá lên các công trình được ký kết nhằm hạn chế phần ảnh hưởng bất lợi lên hiệu quả kinh doanh.

6.4 Chi phí sản xuất

Bảng 7: Chi phí sản xuất của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2008		Năm 2009		6 tháng đầu năm 2010	
	Giá trị (đồng)	%/DT thuần	Giá trị (đồng)	%/DT thuần	Giá Trị (đồng)	%/DT thuần
Giá vốn hàng bán	124.378.382.029	95,22	106.683.387.419	93,42	23.333.414.209	82,83
Chi phí tài chính	1.300.601.049	1,00	1.028.413.026	0,90	0	0
Chi phí bán hàng	0	0	0	0	0	0

Chi phí quản lý	5.026.278.713	3,85	5.271.117.362	4,62	2.714.900.082	9,64
-----------------	---------------	------	---------------	------	---------------	------

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC 06 tháng đầu năm 2010 của CavicoEC)

Giá vốn hàng bán chiếm tỷ lệ lớn nhất trong chi phí sản xuất của Công ty. Tuy nhiên, cũng có thể thấy rằng so với doanh thu thuần, thì tỷ lệ giá vốn hàng bán đang có xu hướng giảm dần và đây là một tín hiệu đáng mừng của doanh nghiệp. Trong năm 2008 và năm 2009 tỷ lệ này giảm từ 95,22% xuống còn 93,42%, tương đương với mức trung bình ngành. Tuy nhiên, 6 tháng đầu năm 2010, tỷ lệ giá vốn hàng bán/doanh thu thuần của Công ty giảm mạnh xuống còn 82,83%.

Mặc dù tỷ lệ giá vốn hàng bán có xu hướng giảm nhưng tỷ lệ chi phí quản lý doanh nghiệp lại có xu hướng tăng lên. Năm 2008 tỷ lệ này là 3,85% nhưng sang năm 2009 và đặc biệt là 6 tháng đầu năm 2010 con số này đã tăng từ 4,62% lên mức 9,64%.

6.5 Trình độ công nghệ

Công ty đầu tư các máy móc, thiết bị phục vụ sản xuất với công nghệ tiên tiến của các hãng sản xuất có tên tuổi. Đây cũng là các máy móc, thiết bị được sử dụng phổ biến ở ngành xây dựng.

Một số phương tiện, thiết bị lớn chủ yếu của Công ty

STT	TÊN THIẾT BỊ	CÔNG SUẤT	NƯỚC SẢN XUẤT	SỐ LƯỢNG
	THIẾT BỊ SAN ỦI, LU			14
	MÁY ỦI			6
1	CAT D7R	230 mã lực	Mỹ	2
2	CAT D6R	185 mã lực	Mỹ	4
	LU RUNG			6
1	Lu rung VV1100D	13 tấn	Séc	1
2	Lu rung STA 1500D	15 tấn	Séc	2
3	Lu rung VV1100D	28 tấn	Sộc	3
	THIẾT BỊ BỐC XÚC			11
	MÁY ĐÀO			9
1	CAT 375	4.4m ³ /gầu	Mỹ	1
2	CAT 345B	2.4m ³ /gầu	Mỹ	4
3	CAT 330C	1.6m ³ /gầu	Mỹ	3
	XÚC LẬT			2
1	CAT 910E	1.2m ³	Mỹ	1
2	LG 952	2.8m ³	Trung Quốc	1
	THIẾT BỊ VẬN CHUYỂN			21

1	CAT 773B	32m3	Mỹ	3
2	Xe CAT 769C	26m3	Mỹ	3
3	Kamaz	6.6m3	Nga	3
4	Huyndai	12m3	Hàn Quốc	9
5	Xe trộn bê tông	6m3	Nhật	3
6	Xe tec chở dầu	8m3	Đức	2
7	Xe tec tưới nước	9m3	Trung Quốc	1
MÁY KHOAN				2
1	Máy khoan D7 – 11	89-157mm	Thụy Điển	1
2	CHA 1100	89-152mm	Thụy Điển	1
THIẾT BỊ CẦU				1
1	Xe Tải gắn Cầu Kia	3Tấn	Hàn Quốc	1
THIẾT BỊ PHỤ TRỢ				8
1	Trạm nghiền sàng	60 - 150m3/h	Pháp/Nga	2
2	Trạm trộn bê tông IMI	60m3/h	CIE	1
3	Máy phát điện Denyo	150-210 KVA	Nhật Bản	2
4	Búa thủy lực Furukawa	F22T	Nhật Bản	1
5	Bơm nước Ebara	300-600m3/h	Nhật Bản	2
CÁC THIẾT BỊ KHÁC				10
TOÀN ĐẶC				4
1	TOPCOM GST-226		Thụy Sĩ	2
2	SET510		Nhật Bản	2
XE VẬN PHÒNG				5
1	For Ranger	bán tải	LD Việt Nam	3
2	Ford Everest	7 chỗ	Mỹ	1
3	Toyota Camry 3.5	5 chỗ	Việt Nam	1
CỘNG				71

(Nguồn: Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng)

6.6 Tình hình kiểm tra chất lượng sản phẩm

Hiện nay, Công ty đã tự xây dựng và ban hành một số quy trình quy chế kiểm soát hoạt động và kiểm soát chi phí. Do đặc thù ngành nghề, trong 4 năm qua Công ty chủ yếu chú trọng vào xây dựng hệ thống quản lý nội bộ, phù hợp với ngành nghề của mình, thường xuyên áp dụng các công nghệ và quy trình quản lý mới.

Ngày 01/03/2008, Tổng Giám đốc Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng đã phê duyệt ban hành hệ thống quản lý chất lượng tiêu chuẩn quốc tế ISO 9001:2000 để quản lý chất lượng trong toàn bộ quá trình sản xuất kinh doanh.

Công ty chú trọng duy trì cải tiến ISO 9001:2000 theo hướng phát triển với chất lượng sản phẩm, cung cấp cho khách hàng những sản phẩm có chất lượng tốt, tạo uy tín cho khách hàng. Thực hiện xây dựng đúng theo thiết kế, thực hiện giám sát, kiểm tra và nghiệm thu đúng theo quy phạm, đảm bảo chất lượng công trình.

6.7 Hoạt động Marketing

Cùng với việc đầu tư mở rộng và phát triển các hoạt động sản xuất, công tác quản lý chất lượng, công tác tiếp thị là một trong những khâu quan trọng, đóng góp tích cực vào hiệu quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty. Hoạt động này đã và đang được Ban lãnh đạo công ty chú trọng xây dựng, củng cố. Công ty luôn thực hiện và duy trì chính sách chất lượng, đảm bảo thỏa mãn đầy đủ các yêu cầu của khách hàng, thu hút các khách hàng mới, mở rộng thị phần của khách hàng tiềm năng bằng uy tín và chất lượng dịch vụ.

6.8 Nhận hiệu thương mại

Biểu tượng Logo của Công ty:



Thương hiệu Cavico Việt Nam được Công ty Cavico Việt Nam đăng ký quyền sở hữu nhãn hiệu hàng hoá số 55161 theo quyết định số A3714/QĐ-ĐK ngày 25/06/2004 của Cục sở hữu trí tuệ. Thương hiệu này được Cavico Việt Nam cho phép Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng sử dụng theo Hợp đồng sử dụng thương hiệu và hỗ trợ tư vấn số 19/HĐ-NHHH-TV ngày 12 tháng 07 năm 2007.

Căn cứ theo hợp đồng này thì hiện nay Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng sử dụng nhãn hiệu Cavico Việt Nam với mức phí sử dụng thương hiệu, tư vấn là 1%-2% doanh thu của mỗi Hợp đồng trong vòng 05 năm kể từ ngày 01/01/2007.

Việc gia hạn thời hạn sử dụng nhãn hiệu sẽ phải do hai bên thỏa thuận.

6.9 Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

Bảng 8: Các hợp đồng lớn đang được thực hiện hoặc đã được ký kết

STT	DỰ ÁN	THỜI GIAN THỰC HIỆN	GIÁ TRỊ HĐ (VND)
1	Thủy điện Sông Ba Hạ	2005 – 2006	94.000.000.000
2	Thủy điện Sông Mực	2006	880.358.000
3	Thủy điện Buôn Tua Srah	2005 – 2008	220.000.000.000
4	Thủy điện An Khê-Kanak	2005 – 2009	160.000.000.000

5	Thủy điện Đăksrông	2007 – 2009	75.000.000.000
6	Thủy điện A Lưới	2007 – 2010	55.500.000.000
7	Bệnh viện đa khoa Thanh Hà	2008 – 2010	47.720.000.000
8	Đập Thủy lợi Đá Bàn	2009 – 2011	40.285.907.000
9	Đập Cai Bàng	2010 - 2011	16.378.676.000
10	Thủy điện Đaksin 1	2010 - 2013	289.826.868.000

(Nguồn: Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng)

7. Báo cáo kết quả hoạt động kinh doanh

7.1 Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh trong năm 2008, 2009 và 6 tháng đầu năm 2010

Bảng 9: Kết quả hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty

Đơn vị tính: Đồng

TT	Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	6 tháng đầu năm 2010
1	Tổng giá trị tài sản	219.817.598.975	280.828.582.784	319.455.236.687
2	Doanh thu thuần	130.625.965.315	114.207.940.303	28.170.152.492
3	Lợi nhuận HĐKD	6.247.583.286	7.524.552.884	4.836.738.283
4	Lợi nhuận khác	340.660.785	331.040.622	371.357.165
5	Lợi nhuận trước thuế	1.305.559.727	2.835.839.489	3.221.752.691
6	Lợi nhuận sau thuế	1.154.446.484	2.392.131.294	2.697.109.390

(Nguồn: BCTC của Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng)

Tổng giá trị tài sản của doanh nghiệp có xu hướng tăng lên trong những năm qua. Năm 2008, tổng tài sản của doanh nghiệp đạt 219,82 tỷ đồng nhưng trong quý 2 năm 2010 đã tăng lên 319,46 tỷ đồng. Hiệu quả trong hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty cũng được cải thiện rõ rệt. Trong khi doanh thu thuần của CavicoEC có xu hướng giảm thì mức lợi nhuận lại có sự tăng trưởng khá ấn tượng. Lợi nhuận sau thuế của năm 2009 đã gấp hơn 2 lần so với năm 2008 và lợi nhuận sau thuế 6 tháng đầu năm 2010 đã vượt mức lợi nhuận sau thuế cả năm 2009.

7.2 Những nhân tố ảnh hưởng đến hoạt động sản xuất kinh doanh của Công ty trong năm báo cáo

❖ Thuận lợi

Các dự án đã đi vào hoạt động ổn định và với vai trò là thầu chính nên Công ty có lợi thế được chủ động làm việc với chủ đầu tư trong mọi vấn đề. Thêm vào đó, các dự án cùng nằm trên một địa bàn nên dễ dàng hỗ trợ trong thi công.

Được thừa hưởng uy tín và thương hiệu của tập đoàn Cavico, Công ty đã tạo dựng được thương hiệu và uy tín với các đối tác trong và ngoài nước.

Công ty có cổ đông sáng lập là Ngân hàng TMCP Nhà Hà Nội – một trong những ngân hàng Thương mại cổ phần đầu tiên, với tiềm lực tài chính của mình, Habubank luôn hỗ trợ vốn kịp thời cho Công ty để thực hiện các dự án.

Công ty đã xây dựng được phương pháp quản trị doanh nghiệp tiên tiến, thực hiện minh bạch hóa thông tin, góp phần nâng cao hiệu quả quản lý và hoạt động sản xuất kinh doanh.

Công ty cũng đã xây dựng được bộ máy tổ chức tương đối hoàn chỉnh từ phòng ban đến các dự án với đội ngũ cán bộ trẻ có trình độ, nhiệt huyết, năng động; và đội ngũ công nhân lành nghề, có kỷ luật. Cán bộ công nhân viên của Công ty phát huy truyền thống đoàn kết, đồng lòng khắc phục khó khăn để xây dựng công ty với mục tiêu “Công ty mạnh, cá nhân giàu”.

Hoạt động trong lĩnh vực được coi là xương sống của nền kinh tế, các doanh nghiệp xây lắp công trình thủy điện trong đó có CavicoEC được nhận sự hỗ trợ lớn từ phía Chính Phủ trong việc đẩy mạnh và phát triển ngành điện.

❖ **Khó khăn**

Trong năm qua, điều kiện thời tiết diễn biến phức tạp, vấn đề địa chất xấu, chủ đầu tư chậm giải phóng mặt bằng... gây ảnh hưởng nhiều đến tiến độ thi công các dự án của Công ty.

Tình hình biến động tăng giá của thị trường vật tư, nhiên liệu trong khi chủ đầu tư chưa có chính sách cụ thể trong việc bù giá thanh toán làm ảnh hưởng đến lợi nhuận của công ty.

Tình hình thanh quyết toán một số công trình vẫn còn chậm.

8. Vị thế của Công ty so với các doanh nghiệp khác trong cùng ngành

8.1 Vị thế của Công ty trong ngành

Công trình giao thông, thủy lợi, xây lắp thủy điện, thi công cầu, công trình ngầm là một trong những hoạt động chủ đạo của Công ty. Hiện nay các công trình thủy điện vừa và nhỏ đang tiếp tục phát triển nhanh chóng để cung cấp cho điện lưới quốc gia, do đó lĩnh vực xây lắp các công trình thủy điện có nhiều tiềm năng phát triển.

Công ty TNHH Cavico Việt Nam (gọi tắt là “Cavico Việt Nam”), cổ đông sở hữu 22,58% vốn điều lệ của CavicoEC, là doanh nghiệp TNHH 100% vốn nước ngoài được thành lập bằng việc Công ty Cavico Corporation Inc (Hoa Kỳ) mua lại toàn bộ Công ty cổ phần Xây dựng và Đầu tư Việt Nam. Cavico Việt Nam là doanh nghiệp hàng đầu ngoài quốc doanh tại Việt Nam trong lĩnh vực thi công các công trình thủy điện, phát triển hạ tầng

cũng như đầu tư vào các dự án BOT, BOO về thủy điện, phát triển hạ tầng bất động sản, giao thông, xi măng... Do vậy thương hiệu và nguồn công việc mà Cavico Việt Nam đưa lại trong lĩnh vực thi công cũng như cơ hội đầu tư vào các dự án thủy điện, hạ tầng, sản xuất xi măng... sẽ là lợi thế rất lớn cho CavicoEC.

Ngân Hàng TMCP Nhà Hà Nội là cổ đông lớn sẽ trợ giúp cho CavicoEC về việc quản trị doanh nghiệp cũng như hỗ trợ nguồn vốn để triển khai các dự án mà CavicoEC sẽ thực hiện. Đây là một trong những lợi thế đáng kể của CavicoEC so với các doanh nghiệp cùng ngành.

Tuy nhiên, với một công ty xây lắp, đặc biệt là xây lắp về thủy điện, nhu cầu vốn để tài trợ và phát triển các hoạt động của mình là rất lớn. Tuy nhiên, với mức vốn điều lệ hiện tại, so với các doanh nghiệp khác trong ngành, quy mô của CavicoEC vẫn còn nhỏ. Điều này sẽ ảnh hưởng tới việc mở rộng và phát triển hơn nữa của Công ty.

Đối với hoạt động cho thuê máy móc xây dựng, Công ty có nhiều đối thủ cạnh tranh trực tiếp, tuy nhiên với đội xe hiện đại chất lượng cao và công suất lớn hiện nay thì Công ty là một đối tác mà các doanh nghiệp khác hướng tới khi có nhu cầu thuê máy móc thiết bị.

8.2 Triển vọng phát triển của ngành

Việt Nam trước đây là nước nhập khẩu năng lượng và luôn ở tình trạng thiếu điện, có thời kỳ rất nghiêm trọng. Từ khi thực hiện chính sách đổi mới công cuộc phát triển kinh tế - xã hội của Việt Nam đã đạt được những thành tựu vượt bậc và năm 1990 là năm đầu tiên Việt Nam đã trở thành nước xuất khẩu năng lượng. Qua gần 20 năm xây dựng và phát triển, đến nay về cơ bản ngành năng lượng đã đáp ứng đủ cho nhu cầu sản xuất và sinh hoạt của nhân dân. Việc cung cấp năng lượng mặc dù chưa thực sự hoàn thiện do điều kiện thời tiết thường xảy ra hạn hán kéo dài và do tác động của thị trường năng lượng thế giới nhưng bước đầu đã được bảo đảm. Với tốc độ tăng trưởng bình quân hàng năm từ 8,5% đến 9% và đến năm 2020 nước ta cơ bản trở thành một nước công nghiệp sẽ tạo điều kiện thuận lợi cho sự tăng trưởng của các ngành kinh tế nói chung trong đó có ngành xây dựng cơ bản. Đặc biệt, với việc Việt Nam trở thành thành viên của WTO, lượng đầu tư nước ngoài đổ vào Việt Nam sẽ ngày càng gia tăng. Như vậy, trong những năm tới, nhu cầu điện năng phục vụ cho ngành kinh tế sẽ tăng lên đáng kể. Đây là một trong những động lực quan trọng thúc đẩy sự phát triển của ngành.

Bên cạnh đó, tiềm năng phát triển của ngành Xây Dựng Năng Lượng cũng rất khả quan. Thị trường điện Việt Nam là thị trường có cung nhỏ hơn cầu do mức tăng trưởng tiêu thụ điện năng tăng rất nhanh 15% đến 17%/năm so với mức tăng trung bình trên thế giới 2,3%/năm. Nguồn điện năng trên thị trường hiện nay được cung cấp từ rất nhiều nguồn: nhiệt điện, thủy điện, diesel, tua bin, khí....

Ngoài ra, theo chiến lược phát triển ngành điện giai đoạn 2004 – 2010, định hướng đến năm 2020, sản lượng của ngành điện sẽ đạt khoảng từ 88 tỷ kwh đến 93 tỷ kwh và năm

2020 sản lượng điện đạt từ 201 tỷ kwh đến 250 tỷ kwh. Cụ thể, thủy điện được ưu tiên phát triển nhất là các công trình có lợi ích tổng hợp (phát điện, chống hạn, chống lũ...) và khuyến khích phát triển các nhà máy thủy điện nhỏ. Phần đầu đến năm 2020, tổng công suất các nhà máy thủy điện đạt từ 13.000 – 15.000 MW.

Cùng với đó, việc khuyến khích đầu tư và xây dựng các nhà máy thủy điện đối với các doanh nghiệp cũng khiến cho các nhu cầu xây dựng trong lĩnh vực này phát triển trong tương lai. Chính vì vậy, là một doanh nghiệp hoạt động trong lĩnh vực xây lắp thủy điện, thủy lợi, CavicoEC có nhiều cơ hội và tiềm năng phát triển trong những năm tới.

8.3 Đánh giá về sự phù hợp định hướng phát triển của Công ty với định hướng của ngành, chính sách của Nhà nước và xu thế chung của thế giới

Trong thời gian tới, Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng sẽ tiếp tục tập trung vào hoạt động xây lắp nói chung và xây dựng các công trình thủy điện nói riêng, cũng như đẩy mạnh hoạt động đầu tư liên kết và góp vốn vào một số công ty trong cùng ngành hoạt động. Với định hướng này, Công ty sẽ phát huy được mặt mạnh của mình là một công ty có truyền thống trong lĩnh vực xây lắp với trang thiết bị thi công đồng bộ, tiên tiến. Đồng thời, đây cũng là hướng phát triển phù hợp với tình hình phát triển hiện nay của đất nước cũng như triển vọng phát triển của ngành xây lắp các công trình điện nói chung, công trình thủy điện nói riêng. Bằng cách đầu tư, liên kết và góp vốn vào một số công ty cùng ngành, Công ty có thể phát huy tối đa những mặt mạnh vốn có của mình, hỗ trợ, thúc đẩy sự tăng trưởng về mặt lợi nhuận của những doanh nghiệp này, tạo ra lợi ích cho cả hai bên.

9. Chính sách đối với người lao động

9.1 Tình hình lao động

Xác định chất lượng nguồn nhân lực là một trong những yếu tố quan trọng quyết định sự phát triển, Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng luôn đặt mục tiêu xây dựng đội ngũ nhân viên chuyên nghiệp, có trình độ cao lên hàng đầu trong chiến lược phát triển của mình.

Bảng 10: Tình hình lao động trong Công ty (tính đến thời điểm 25/06/2010)

TT	Tên dự án	Tỷ lệ	Cộng	Đại học	Cao đẳng	Trung cấp	CNKT	LĐ KT khác
I	Văn phòng công ty	14.68%	37	25	4	5	2	1
II	Dự án Đaksin 1 + BTS	36.51%	92	6	8	8	58	12
III	Dự án Đaksrông	5.56%	14	1	1	2	8	2
IV	Dự án BVĐK Thanh Hà	5.16%	13	4	4	1	2	2
V	Dự án Đá Bàn	4.37%	11	5	1	2	2	1

VI	Dự án Cai Bằng	16.27%	41	4	6	5	14	12
VII	Dự án Đam'Bri	17.46%	44	6	3	5	25	5
	Cộng		252	51	27	28	111	35
	Tỷ lệ			20.24%	11%	11.11%	44.05%	13.89%

(Nguồn: Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng)

9.2 Chính sách đối với người lao động

a. Chế độ làm việc

- Người lao động trong công ty đều có hợp đồng lao động theo đúng luật lao động và được hưởng đầy đủ các chế độ theo quy định hiện hành của pháp luật về Luật lao động và các khoản trợ cấp, thưởng, được đóng bảo hiểm y tế, bảo hiểm xã hội...
- Công ty thực hiện chế độ làm việc 6 ngày /tuần và 8 giờ/ngày. Do tình hình hoạt động kinh doanh công ty có thể thỏa thuận với người lao động làm việc thêm giờ.

b. Chính sách lương, thưởng và phúc lợi

- Công ty xây dựng Quy chế lao động tiền lương và các chế độ cho người lao động rất cụ thể và chi tiết. Công ty áp dụng chính sách trả lương phân tính chất công việc của từng khối phòng ban trong công ty, áp dụng cả cách tính lương theo thời gian và tính lương theo sản phẩm.
- Ngoài ra để kịp thời khuyến khích các thành tích của các cá nhân trong công tác, Công ty đưa ra chính sách thưởng linh hoạt: thưởng định kỳ, thưởng đột xuất. Bên cạnh chính sách thưởng cũng có các hình thức kỷ luật với các mức độ từ nhẹ đến nặng đối với các cá nhân vi phạm kỷ luật và nguyên tắc lao động.
- Công ty áp dụng chính sách trả lương theo sản phẩm hoặc lương cố định và xác định cách nhận trả lương khi ký hợp đồng chính thức. Tất cả người lao động trong công ty được trả lương tháng, tiền lương sẽ do Ban Tổng Giám đốc quy định trên cơ sở các quy định của pháp luật lao động.
- Hàng năm công ty sẽ căn cứ vào tình hình thực tế, hiệu quả đóng góp và mức độ hoàn thành công việc của người lao động để xét tăng lương và khen thưởng theo đúng quy định.
- Các khoản trích nộp thuế thu nhập, bảo hiểm xã hội, bảo hiểm y tế được áp dụng theo quy định của Nhà nước.

c. Chính sách tuyển dụng và đào tạo

- **Tuyển dụng:** Mục tiêu tuyển dụng của Công ty là thu hút người lao động có năng lực vào làm việc cho Công ty, đáp ứng nhu cầu mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh. Tùy theo từng vị trí cụ thể mà Công ty đề ra những tiêu chuẩn bắt buộc riêng, song tất cả các chức danh đều phải đáp ứng các yêu cầu cơ bản như: có trình độ chuyên môn cơ bản, có ý thức phát triển nghề nghiệp và có tính kỷ luật cao.
- **Đào tạo:** Nhận thức được tầm quan trọng của nguồn nhân lực trong sự phát triển của Công ty, Công ty đặc biệt chú trọng công tác đào tạo nâng cao trình độ tay nghề, chuyên môn của cán bộ công nhân viên. Nhằm phát huy hiệu quả nguồn nhân lực sẵn có Công ty luôn khuyến khích, tạo điều kiện để cán bộ công nhân viên nâng cao trình độ chuyên môn, nghiệp vụ, kỹ năng về tin học, ngoại ngữ... Hàng năm Công ty đều tổ chức đào tạo nâng cao tay nghề cho công nhân, tổ chức cho cán bộ công nhân viên tham gia các khóa huấn luyện tại chỗ, các khóa huấn luyện bên ngoài nhằm nâng cao kỹ năng, kiến thức mới cần thiết để người lao động phát triển năng lực Công tác, đáp ứng yêu cầu công việc hiện tại và chiến lược phát triển của Công ty trong tương lai.

10. Chính sách cổ tức

Căn cứ theo quy định của Luật doanh nghiệp và Điều lệ tổ chức và hoạt động của công ty đã được Đại hội đồng cổ đông thông qua, chính sách phân phối cổ tức do Hội đồng quản trị đề nghị và Đại hội đồng cổ đông quyết định như sau:

- Công ty chỉ được chi trả cho cổ đông khi công ty kinh doanh có lãi và đã hoàn thành nghĩa vụ nộp thuế và các nghĩa vụ tài chính khác theo quy định của pháp luật.
- Cổ đông được chia cổ tức tương đương với phần vốn góp và tùy theo đặc điểm tình hình kinh doanh theo quyết định của Đại hội đồng cổ đông.
- Tỷ lệ cổ tức sẽ được Đại hội đồng cổ đông quyết định dựa trên đề xuất của Hội đồng quản trị, với căn cứ là kết quả hoạt động kinh doanh của năm hoạt động và phương án hoạt động kinh doanh của các năm tới.

Bảng 11: Chính sách cổ tức của Công ty

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	Dự kiến năm 2010
Lợi nhuận sau thuế (đồng)	1.154.446.484	2.392.131.294	6.500.000.000
Tỷ lệ cổ tức (%)	0%	5%	10%

(Nguồn: BCTC của Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng)

- Theo báo cáo tài chính năm 2009, lợi nhuận sau thuế cho năm tài chính 2009 của Công ty đạt 2,39 tỷ đồng. Do đó, tổng lợi nhuận sau thuế chưa phân phối đến thời

điểm 31/12/2009 của Công ty là 3,87 tỷ đồng. Theo nghị quyết ĐHCĐ năm 2010, Công ty sẽ thực hiện chia cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu với tỷ lệ là 5%. Như vậy, với mức vốn điều lệ hiện tại là 32,5 tỷ đồng tương đương với 3,25 triệu cổ phiếu, tổng số tiền Công ty cần để trả cổ tức là 1,625 tỷ đồng. Với số tiền này, lợi nhuận sau thuế chưa phân phối của Công ty hoàn toàn có thể đáp ứng được.

11. Tình hình hoạt động tài chính

11.1 Các chỉ tiêu cơ bản

Năm tài chính của Công ty bắt đầu từ ngày 01 tháng 01 và kết thúc vào ngày 31 tháng 12 hàng năm. Báo cáo tài chính của Công ty được tính bằng đồng Việt Nam, được lập và trình bày phù hợp với các chuẩn mực và chế độ kế toán Việt Nam.

❖ Trích khấu hao tài sản cố định:

Tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận theo giá gốc. Trong quá trình sử dụng, tài sản cố định hữu hình, tài sản cố định vô hình được ghi nhận, hạch toán theo nguyên giá, hao mòn lũy kế và giá trị còn lại.

Tài sản cố định được khấu hao theo phương pháp đường thẳng dựa trên thời gian hữu dụng ước tính. Số năm khấu hao của các loại tài sản cố định như sau:

Bảng 12: Thời gian khấu hao tài sản cố định

Nhóm tài sản	Thời gian
Máy móc thiết bị	06 - 07 năm
Phương tiện vận tải	06 - 07 năm
Thiết bị, dụng cụ quản lý	02 - 03 năm

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009 của Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng)

❖ Mức lương bình quân

Bảng 13: Mức lương bình quân

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009
Tổng quỹ lương (đồng)	11.285.333.000	14.413.424.000
Lao động bình quân (người)	253	270
Mức lương bình quân (đồng/ người/ tháng)	3.717.171	4.448.587

(Nguồn: Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng)

❖ Thanh toán các khoản nợ đến hạn

Công ty luôn thanh toán đầy đủ và đúng hạn các khoản vay nợ. Theo báo cáo kiểm toán năm 2009, tính đến thời điểm 31/12/2009 Công ty không có khoản nợ quá hạn nào.

❖ Các khoản phải nộp theo luật định

Công ty thực hiện kê khai, nộp đầy đủ, đúng hạn các nghĩa vụ thuế theo quy định của pháp luật.

Bảng 14: Các khoản phải nộp ngân sách Nhà nước năm 2008, 2009 và quý 2/2010

Đơn vị: Đồng

Chỉ tiêu	Năm 2008	Năm 2009	6 tháng đầu năm 2010
Thuế GTGT	7.944.174.493	10.737.470.978	11.943.004.310
Thuế thu nhập doanh nghiệp	1.938.678.628	2.382.386.823	2.907.030.124
Thuế thu nhập cá nhân	6.517.699	37.222.699	88.923.699
Các khoản phí, lệ phí và các khoản phải nộp khác		92.808.050	-
Tổng cộng	9.889.370.820	13.249.888.550	14.938.958.133

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC quý 2/2010 của CavicoEC)

❖ Trích lập các quỹ theo luật định

Bảng 15: Số dư các quỹ tại thời điểm 31/12/2008, 31/12/2009 và 30/06/2010

Đơn vị tính: Đồng

Các Quỹ	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Quỹ dự phòng tài chính	175.669.647	175.669.647	175.669.647
Quỹ đầu tư phát triển	0	0	

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC quý 2/2010 của CavicoEC)

❖ Tình hình dư nợ vay

Tại thời điểm 31 tháng 12 năm 2009, Công ty vay và nợ ngắn hạn là 126.135.050.996 đồng tăng 12,88% so với thời điểm 31/12/2008. Các khoản vay này nhằm bổ sung vốn lưu động để phục vụ đầu tư cho các công trình dở dang đang trong quá trình đẩy nhanh tiến độ thi công như: Thủy điện Đam'abri, Thủy điện Buôn Tua Srah, Thủy điện Đaksrông, Bệnh viện ĐK Thanh Hà, Đập Thủy lợi Đá Bàn... Vay dài hạn của Công ty tại thời điểm 31/12/2009 là 174.994.000 đồng giảm 95,2% so với thời điểm 31/12/2008.

❖ **Tình hình công nợ hiện nay****Bảng 16: Các khoản phải thu**

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Các khoản phải thu ngắn hạn	41.294.710.056	68.574.928.871	99.873.109.455
Phải thu của khách hàng	33.185.632.204	48.514.784.200	72.260.694.238
Trả trước cho người bán	7.626.563.142	9.647.438.397	6.302.054.943
Các khoản phải thu khác	482.514.710	10.412.706.274	21.310.360.274
Dự phòng phải thu ngắn hạn khó đòi	-	-	-
Các khoản phải thu dài hạn	45.552.272.849	47.323.903.000	38.227.353.000

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC quý 2/2010 của CavicoEC)

Trong các khoản phải thu của Công ty thì khoản phải thu khách hàng chiếm tỷ trọng lớn nhất với 43,71 tỷ năm 2009 và tăng lên 61,52 tỷ đồng trong năm 2010. Đứng thứ hai là các khoản phải thu khác và trong 6 tháng đầu năm 2010 các phải phải thu khác của doanh nghiệp đã tăng lên gấp hơn 2 lần. Cũng giống như các khoản phải thu ngắn hạn có xu hướng tăng lên qua các năm (41,29 tỷ đồng năm 2008, 63,77 tỷ đồng trong năm 2009 và 89,13 tỷ đồng trong 6 tháng đầu năm 2010) thì các khoản phải thu dài hạn cũng tăng lên nhưng tốc độ tăng chậm hơn. Năm 2008 phải thu dài hạn của CavicoEC là 45,55 tỷ đồng, sang năm 2009 con số này đạt 47,32 tỷ đồng và trong 6 tháng đầu năm 2010 đạt 38,23 tỷ đồng.

Bảng 17: Các khoản Phải trả

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Nợ ngắn hạn	178.593.166.963	240.855.875.964	276.785.420.479
Vay và nợ ngắn hạn	111.739.635.462	126.135.050.996	150.824.120.829
Phải trả người bán	29.750.551.520	41.156.706.447	43.146.343.358
Người mua trả tiền trước	17.365.549.311	47.395.493.263	51.578.136.751
Thuế và các khoản phải nộp Nhà nước	9.889.370.820	13.249.888.550	14.938.958.133
Phải trả người lao động	5.066.714.396	10.611.843.268	6.811.589.497
Chi phí phải trả	3.591.453.996	2.268.091.983	9.009.166.746
Các khoản phải trả, phải nộp ngắn hạn khác	1.189.891.458	1.590.922.171	2.455.869.879
Quỹ khen thưởng, phúc lợi	0	(1.552.120.714)	(1.978.764.714)
Nợ dài hạn	3.669.477.486	325.621.000	325.621.000

Chỉ tiêu	31/12/2008	31/12/2009	30/06/2010
Vay và nợ dài hạn	3.669.477.486	174.994.000	174.994.000
Dự phòng trợ cấp mất việc làm	0	150.627.000	150.627.000
Tổng nợ phải trả	182.262.644.449	241.181.496.964	277.111.041.479

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 và BCTC quý 2/2010 CavicoEC)

Trong khi nợ dài hạn của Công ty có xu hướng giảm xuống thì nợ ngắn hạn của CavicoEC lại có xu hướng tăng lên. So với năm 2008 thì nợ ngắn hạn của Công ty trong quý 2 năm 2010 tăng gần 100 tỷ đồng. Sự tăng lên của nợ ngắn hạn tập trung chủ yếu ở các khoản vay và nợ, phải trả người bán và chi phí phải trả. Vay và nợ ngắn hạn của Công ty tăng lên từ 126,14 tỷ đồng năm 2009 lên mức 150,82 tỷ đồng quý 2 năm 2010. Và so với mức vốn chủ sở hữu, tổng nợ phải trả trong quý 2 năm 2010 đã gấp 6,85 lần. Đây là một mức khá lớn và vì vậy, để đáp ứng cơ cấu nợ an toàn thì doanh nghiệp nên tăng vốn chủ sở hữu để giảm bớt tỷ lệ nợ.

11.2 Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Bảng 18: Các chỉ tiêu tài chính chủ yếu

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009	06 tháng năm 2010
1. Chỉ tiêu về khả năng thanh toán				
+ Hệ số thanh toán ngắn hạn (TSLĐ/Nợ ngắn hạn)	Lần	0,76	0,87	0,95
+ Hệ số thanh toán nhanh [(TSLĐ – Hàng tồn kho)/Nợ ngắn hạn]	Lần	0,35	0,42	0,49
2. Chỉ tiêu về cơ cấu vốn				
+ Tổng nợ phải trả/Tổng tài sản	Lần	0,83	0,86	0,87
+ Nợ dài hạn/Vốn chủ sở hữu	Lần	0,11	0,001	0,007
3. Chỉ tiêu về năng lực hoạt động				
+ Vòng quay hàng tồn kho (GVHB/Hàng tồn kho bình quân)	Lần	1,85	1,46	0,195
+ Vòng quay tổng tài sản (Doanh thu thuần/Tổng tài sản)	Lần	0,59	0,41	0,088

Các chỉ tiêu	Đơn vị	Năm 2008	Năm 2009	06 tháng năm 2010
4. Chỉ tiêu về khả năng sinh lời				
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/Doanh thu thuần	%	0,88	2,09	9,57
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/NVCSH	%	3,55	7,36	8,30
+ Tỷ suất Lợi nhuận sau thuế/ Tổng tài sản	%	0,53	0,85	0,84
+ Tỷ suất Lợi nhuận HĐSXKD/Doanh thu thuần	%	1,0	2,48	10,12

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008, 2009 của CT CP Xây Dựng Năng Lượng)

12. Hội đồng quản trị, Ban Giám đốc, Ban kiểm soát, Kế toán trưởng

STT	Họ và tên	Chức vụ
Hội đồng quản trị		
1	Phan Văn Hiếu	Chủ tịch HĐQT
2	Trần Thanh Diệu	Thành viên HĐQT
3	Hà Thanh Trung	Thành viên HĐQT
4	Lê Thị Minh Hằng	Thành viên HĐQT
5	Nguyễn Thị Thanh Bình	Thành viên HĐQT
Ban Kiểm soát		
1	Trần Quốc Bảo	Trưởng Ban Kiểm soát
2	Trần Mạnh Sánh	Ủy viên
3	Vũ Long	Ủy viên

STT	Họ và tên	Chức vụ
Ban Giám đốc		
1	Trần Thanh Diệu	Tổng Giám Đốc
2	Hà Thanh Trung	Phó Tổng Giám Đốc
3	Nguyễn Ngọc Tú	Phó Tổng Giám Đốc
4	Nguyễn Văn Long	Phó Tổng Giám Đốc
5	Nguyễn Sỹ Tuấn	Phó Tổng Giám Đốc
6	Cao Văn Quyết	Phó Tổng Giám Đốc
Kế toán trưởng		
1	Nguyễn Sỹ Tuấn	Kế toán trưởng

12.1 HỘI ĐỒNG QUẢN TRỊ

❖ Chủ tịch HĐQT – Ông Phan Văn Hiếu

- Họ và tên : PHAN VĂN HIẾU
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 16/02/1965
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND : 011940099
- Nơi cấp : Hà Nội
- Ngày cấp: : 08/02/2007
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú hiện nay : 326 tập thể Ngân hàng – Võ Thị Sáu-Thanh Nhà-Hà Nội
- Điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư cơ khí-Học viện kỹ thuật Quân sự
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Năm 2000-2009	Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Cavico Việt Nam

Tháng 05/2010	Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
---------------	--

- Chức vụ hiện tại : Chủ tịch HĐQT Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có
- Số cổ phần nắm giữ : 733.855 cổ phần (tỷ lệ 22.58%)
Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần (0 %)
 - Đại diện phần vốn cho Cavico : 733.855 cổ phần (100 %)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Các khoản lợi ích khác: Không

❖ Thành viên HĐQT – Ông Trần Thanh Diệu

- Họ và tên : **TRẦN THANH DIỆU**
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 14/11/1971
- Nơi sinh : Nghệ An
- Số CMND : 182431190
- Nơi cấp : Nghệ An
- Ngày cấp: : 15/02/1999
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú hiện nay : Số 296 ngõ 58 Thanh Xuân Trung-Thanh Xuân-Hà Nội
- Điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Năm 2005-2006	Tổng giám đốc Công ty CP Khai thác mỏ và xây dựng
Năm 2008-2010	Phó Tổng giám đốc Công ty TNHH Cavico Việt Nam
Tháng 05/2010	Tổng giám đốc Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng

- Chức vụ hiện tại : Tổng giám đốc- Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng.
: Thành viên HĐQT Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không

- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có
- Số cổ phần nắm giữ : 5.910 cổ phần (tỷ lệ 0.18%)
 Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân : 5.910 cổ phần (0 %)
 - Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần (0 %)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Các khoản lợi ích khác: Không

❖ Thành viên HĐQT – Ông Hà Thanh Trung

- Họ và tên : **HÀ THANH TRUNG**
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 29/07/1977
- Nơi sinh : Yên Bái
- Số CMND : 060549394
- Nơi cấp : Hà Nội
- Ngày cấp: : 24/10/2002
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Yên Bái
- Địa chỉ thường trú hiện nay : Số 850 tổ 26 P. Tân An-TX Nghĩa Lộ-Yên Bái
- Điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng/Thạc sỹ Quản trị kinh doanh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Năm 2004-2005	Phó phòng kế hoạch Công ty TNHH Cavico Việt Nam
Năm 2005	Trưởng phòng kế hoạch Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
Năm 2006-2007	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
Năm 2007-T5/2010	Tổng giám đốc Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng

- Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
 : Thành viên HĐQT Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có

- Số cổ phần nắm giữ : 15.000 cổ phần (tỷ lệ 0.46%)
Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân : 15.000 cổ phần (0.46 %)
 - Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần (0 %)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Các khoản lợi ích khác : Không

❖ Thành viên HĐQT – Bà Lê Thị Minh Hằng

- Họ và tên : **LÊ THỊ MINH HẰNG**
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 15/08/1953
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND : 010666602
- Nơi cấp : Hà Nội
- Ngày cấp: : 28/07/2005
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú hiện nay : Số 8 ngách 46/1150 tổ 20 Láng Thượng, Đống Đa, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân sư phạm-ĐH Sư phạm
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Năm 2000-2010	Chủ tịch Công đoàn Công ty TNHH Cavico Việt Nam

- Chức vụ hiện tại : Chủ tịch công đoàn Công ty TNHH Cavico Việt Nam
: Thành viên HĐQT Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng.
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có
- Số cổ phần nắm giữ : 3.210 cổ phần (tỷ lệ 0.1%)
Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân : 3.210 cổ phần (0.1 %)
 - Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần (0 %)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không

- Các khoản nợ đối với Công ty :Không
- Các khoản lợi ích khác :Không

❖ **Thành viên HĐQT – Bà Nguyễn Thị Thanh Bình**

- Họ và tên : **NGUYỄN THỊ THANH BÌNH**
- Giới tính : Nữ
- Ngày sinh : 26/10/1978
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND : 011848885
- Nơi cấp : Hà Nội
- Ngày cấp: : 06/01/2000
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú hiện nay : P17T05-17T6 Trung Hòa-Nhân Chính-Hà Nội
- Điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế Ngân hàng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Năm 2002-2010	Trưởng phòng đầu tư, trợ lý Chủ tịch Ngân hàng TMCP nhà Hà Nội

- Chức vụ hiện tại : Thành viên HĐQT Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng.
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có
- Số cổ phần nắm giữ : 416.000 cổ phần (tỷ lệ 12.8%)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 142.000 cổ phần (4.37 %)
- Đại diện phần vốn Ngân hàng Habubank : 274.000 cổ phần (8.43 %)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:

TTTT	Họ và tên	Quan hệ với người Khai	Số cổ phần nắm giữ	Tỷ lệ %/VĐL
01	Nguyễn Tuấn Phong	Em trai	153.760	4.73%

- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Các khoản lợi ích khác: Không

12.2 BAN KIỂM SOÁT**❖ Trưởng Ban Kiểm soát – Ông Trần Quốc Bảo**

- Họ và tên : **TRẦN QUỐC BẢO**
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 21/06/1976
- Nơi sinh : Nghệ An
- Số CMND : 012757100
- Nơi cấp : Nghệ An
- Ngày cấp: : 26/11/2004
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nghệ An
- Địa chỉ thường trú hiện nay : Phòng 604-B3D Nam Trung Yên – Cầu Giấy-Hà Nội
- Điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kế toán doanh nghiệp
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2005-2009	Kế toán trưởng Công ty TNHH Cavico Việt Nam
2010	Phó tổng giám đốc tài chính-Kế toán trưởng Công ty TNHH Cavico Việt Nam

- Chức vụ hiện tại : Trưởng BKS Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có
- Số cổ phần nắm giữ : 60 cổ phần (tỷ lệ 0.002%)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 60 cổ phần (0.002 %)
- Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần (0 %)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Các khoản lợi ích khác: Không

❖ Thành viên Ban Kiểm soát – Ông Vũ Long

- Họ và tên : **VŨ LONG**

- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 24/07/1977
- Nơi sinh : Hà Tây
- Số CMND : 111298287
- Nơi cấp : Hà Tây
- Ngày cấp: :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Tây
- Địa chỉ thường trú hiện nay : 185 Bế Văn Đàn-Quang Trung-Hà Đông-Hà Tây-Hà Nội
- Điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Thạc sỹ kinh tế xây dựng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Năm 2007-2008	Trưởng phòng kế hoạch Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
Năm 2009-2010	Quản lý dự án Bệnh viện Thanh Hà-Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng

- Chức vụ hiện tại : Thành viên BKS Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có
- Số cổ phần nắm giữ : 2.720 cổ phần (tỷ lệ 0.08%)
 Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân : 2.720 cổ phần (0.08 %)
 - Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần (0 %)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Các khoản lợi ích khác: Không

❖ Thành viên Ban Kiểm soát – Ông Trần Mạnh Sánh

- Họ và tên : **TRẦN MẠNH SÁNH**
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/10/1950

- Nơi sinh : Yên Lợi-Ý Yên-Nam Định
- Số CMND :
- Nơi cấp : Nam Định
- Ngày cấp: :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Nam Định
- Địa chỉ thường trú hiện nay : Phòng 901 tòa nhà Hỗn hợp Sông Đà-Phạm Hùng-Mỹ Đình-Từ Liêm, Hà Nội
- Điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
1993-2001	Cán bộ kho bạc, Cục đầu tư Sở Tài chính Hà Nam
2001-2005	Kế toán công ty Sông Đà 9-Tổng công ty Sông Đà
2005-2010	Phó phòng kế toán Công ty TNHH Cavico Việt Nam

- Chức vụ hiện tại : Thành viên BKS Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tỷ lệ 0.0%)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần (0.0 %)
- Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần (0 %)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Các khoản lợi ích khác: Không

12.3 BAN GIÁM ĐỐC

❖ Tổng Giám Đốc – Trần Thanh Diệu

Xem tại mục 12.1

❖ Phó Tổng Giám Đốc – Hà Thanh Trung

Xem tại mục 12.1

❖ **Phó Tổng Giám Đốc – Nguyễn Ngọc Tú**

- Họ và tên : NGUYỄN NGỌC TÚ
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 07/8/1977
- Nơi sinh : Ưông Bí - Quảng Ninh
- Số CMND : 031695544
- Nơi cấp : Hải Phòng
- Ngày cấp: : 08/11/2007
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hoà Bình - Kiến Xương – Thái Bình
- Địa chỉ thường trú hiện nay: Lê Chân - Hải Phòng
- Điện thoại liên lạc : 01685679999
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
2000 - 2002	Cán bộ kỹ thuật thuộc Công ty Xây dựng 201 - Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng
2002 – 2005	Chỉ huy trưởng thuộc Công ty Xây dựng 201 - Tổng công ty Xây dựng Bạch Đằng
2005 – 9/2008	Quản lý dự án thuộc Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
2008-nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng.

- Chức vụ hiện tại : -Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng.
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có
- Số cổ phần nắm giữ : 6.420 cổ phần (tỷ lệ 0.20%)
Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân : 6.420 cổ phần (tỷ lệ 0.20%)
 - Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần (0 %)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan:
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Các khoản lợi ích khác: Không

❖ **Phó Tổng Giám Đốc – Ông Nguyễn Văn Long**

- Họ và tên : **NGUYỄN VĂN LONG**
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 17/05/1976
- Nơi sinh : Hà Nội
- Số CMND : 011759039
- Nơi cấp : Hà Nội
- Ngày cấp: : 10/06/2005
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hà Nội
- Địa chỉ thường trú hiện nay : Xóm Ô tô –Xã Thụy Phương-Huyện Từ Liêm-Hà Nội
- Điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Kỹ sư xây dựng-ĐH Giao thông vận tải
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Năm 1999-2000	CB thi công Công ty tư vấn Xây dựng công trình thủy I
Năm 2000-2005	Đội phó Đội Điện máy-Công ty Cầu 11 Thăng Long
Năm 2005	Cán bộ tại Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
Năm 2007	Trưởng phòng Thiết bị vật tư-Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
Tháng 06/2010	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng

- Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng.
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tỷ lệ 0%)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần (0 %)
- Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần (0 %)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Các khoản lợi ích khác: Không

❖ **Phó Tổng Giám đốc – Ông Nguyễn Sỹ Tuấn**

- Họ và tên : **NGUYỄN SỸ TUẤN**
- Giới tính : Nam

- Ngày sinh : 12/11/1976
- Nơi sinh : Hải Phòng
- Số CMND :
- Nơi cấp :
- Ngày cấp: :
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hải Phòng
- Địa chỉ thường trú hiện nay : Khu tập thể Giồng Mầu-Ngoạ Long-Minh Khai-Từ Liêm-Hà Nội
- Điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Cử nhân kinh tế-Kỹ sư tin học
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Năm 2006	P. Kế toán trưởng Công ty CP Cavico xây dựng Cầu Hàm
Năm 2007	Kế toán trưởng Công ty CP Cavico Điện lực Tài Nguyên
Tháng 10/2009	Phó giám đốc Công ty CP Cavico Điện lực Tài Nguyên
Tháng 05/2010	Phó Tổng giám đốc-Kế toán trưởng Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng

- Chức vụ hiện tại : Phó Tổng giám đốc-Kế toán trưởng Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng.
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : không có
- Số cổ phần nắm giữ : 0 cổ phần (tỷ lệ 0%)
 Trong đó:
 - Sở hữu cá nhân : 0 cổ phần (0 %)
 - Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần (0 %)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty : Không
- Các khoản lợi ích khác : Không

❖ Phó Tổng Giám đốc – Ông Cao Văn Quyết

- Họ và tên : CAO VĂN QUYẾT
- Giới tính : Nam
- Ngày sinh : 22/04/1945

- Nơi sinh : Hưng Yên
- Số CMND : 012142287
- Nơi cấp : Hà Nội
- Ngày cấp: : 20/10/2003
- Quốc tịch : Việt Nam
- Dân tộc : Kinh
- Quê quán : Hưng Yên
- Địa chỉ thường trú hiện nay : Số 6 ngõ 4 tổ 107 Khương Trung-Q. Thanh Xuân-Hà Nội
- Điện thoại liên lạc :
- Trình độ văn hóa : 12/12
- Trình độ chuyên môn : Sỹ quan Công Binh
- Quá trình công tác :

Thời gian	Chức vụ
Năm 1983-1996	Phó Lữ đoàn trưởng lữ đoàn 239-Bộ tư lệnh Công Binh
Năm 1996-T3/2005	Quản lý dự án thuộc Công ty TNHH Cavico Việt Nam
T3/2005 đến T10-2005	Quản lý dự án thuộc Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng
Năm 2005-nay	Phó Tổng giám đốc Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng.

- Chức vụ hiện tại : Phó TGD Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng.
- Chức vụ tại các tổ chức khác : Không
- Hành vi vi phạm pháp luật : Không có
- Quyền lợi mâu thuẫn với Công ty : Không có
- Số cổ phần nắm giữ : 37.910 cổ phần (tỷ lệ 0.24%)

Trong đó:

- Sở hữu cá nhân : 37.910 cổ phần (0.24 %)
- Đại diện phần vốn nhà nước : 0 cổ phần (0 %)
- Số lượng cổ phiếu đang nắm giữ của những người có liên quan: Không
- Các khoản nợ đối với Công ty: Không
- Các khoản lợi ích khác: Không

❖ **Kế toán trưởng – Ông Nguyễn Sỹ Tuấn**

- Xem tại mục 12.3

13. Tài sản

13.1 Tài sản cố định

Bảng 19: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2008

Tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị còn lại /Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	74.679.630.349	31.012.960.492	41,53
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-
Máy móc thiết bị	43.580.735.297	15.362.543.211	35,25
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	30.382.848.256	15.626.166.768	51,43
Thiết bị, dụng cụ quản lý	716.046.796	24.250.513	3,39
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Máy móc và thiết bị	-	-	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2008 của Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng)

Bảng 20: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 31/12/2009

Tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị còn lại /Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	74.217.564.251	18.953.025.889	25,54
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-
Máy móc thiết bị	43.008.101.963	7.503.111.237	17,45
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	30.332.848.256	11.315.082.084	37,30
Thiết bị, dụng cụ quản lý	876.614.032	134.832.568	15,38
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Máy móc và thiết bị	-	-	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	-	-	-

(Nguồn: BCTC kiểm toán năm 2009 của Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng)

Bảng 21: Tình hình tài sản cố định tính đến thời điểm 30/06/2010

Tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị còn lại /Nguyên giá (%)
Tài sản cố định hữu hình	71.303.278.537	13.368.441.149	18,75
Nhà cửa, vật kiến trúc	-	-	-
Máy móc thiết bị	40.093.816.249	4.721.777.318	11,78
		8.542.545.449	

Tài sản	Nguyên giá (đồng)	Giá trị còn lại (đồng)	Giá trị còn lại /Nguyên giá (%)
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	30.332.848.256	104.118.382	28,16
Thiết bị, dụng cụ quản lý	876.614.032	104.118.382	11,88
Tài sản cố định thuê tài chính	-	-	-
Máy móc và thiết bị	-	-	-
Phương tiện vận tải, truyền dẫn	-	-	-
Tài sản cố định vô hình	-	-	-

(Nguồn: BCTC quý 2 năm 2010 của Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng)

14. Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

14.1 Định hướng phát triển

Trong giai đoạn tới, định hướng phát triển của Công ty Cổ phần Xây Dựng và Năng Lượng là tiếp tục phát huy thế mạnh của mình trong lĩnh vực thi công xây lắp thủy điện và thủy lợi.

- Trong lĩnh vực xây lắp thủy điện thủy lợi: Công ty tiếp tục triển khai và hoàn thành các dự án hiện tại, đẩy mạnh tiến độ thi công các dự án công ty đã xúc tiến... Ngoài ra, Công ty còn tìm kiếm các hợp đồng mới, đảm bảo được tốc độ phát triển cũng như mở rộng của Doanh nghiệp.
- Bên cạnh lĩnh vực chính là thi công và xây lắp thủy điện, thủy lợi, CavicoEC cũng bắt đầu tìm kiếm các cơ hội đầu tư trong lĩnh vực bất động sản, một lĩnh vực tiềm năng và nhiều cơ hội.
- Chiến lược sản xuất kinh doanh mà Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng đề ra được Công ty thực hiện linh hoạt, thích ứng với những biến động của thị trường và chính sách vĩ mô của Chính phủ.

14.2 Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2011 được dự kiến như sau:

Bảng 22: Kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức giai đoạn 2010 – 2011

Đơn vị tính: đồng

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010		Năm 2011	
		Kế hoạch	% tăng(+) giảm(-) so với năm 2009	Kế hoạch	% tăng(+) giảm(-) so với năm 2010
Doanh thu thuần	114.207.940.303	115.000.000.000	+100,69%	180.000.000.000	156,52%
Lợi nhuận sau thuế	2.393.131.294	6.500.000.000	+271,61%	15.000.000.000	230,77%
Tỷ lệ LNST/DTT	2,09%	5,65%	+3,56%	8,33%	+2,68%
Tỷ lệ LNST/Vốn CSH	6,28%	13,00%	+6,70%	15,00%	+2%
Cổ tức	5%	10%	+5%	12%	+2%

(Nguồn: Công ty CP Xây Dựng Năng Lượng)

14.3 Căn cứ để đạt được kế hoạch sản xuất kinh doanh, lợi nhuận và cổ tức trong những năm tiếp theo

Công ty tiếp tục thực hiện tiếp các dự án đang dở dang và triển khai các hợp đồng ký kết mới. Công ty xác định lấy thi công xây lắp làm nhiệm vụ trọng tâm, nhưng cũng từng bước đa dạng hóa ngành nghề, tham gia đầu tư các dự án có hiệu quả lợi nhuận cao. Công ty không đầu tư dàn trải. Tiến hành những bước đầu tiên trong lĩnh vực đầu tư kinh doanh bất động sản.

Bên cạnh đó, Công ty cũng đề ra các giải pháp đảm bảo kế hoạch sản xuất kinh doanh

- Giải pháp về thị trường: Phát triển mạnh sản xuất kinh doanh trong thị trường xây lắp truyền thống;
- Giải pháp về vốn và tài chính: Tăng vốn điều lệ theo những giai đoạn phù hợp; Tập trung công tác nghiệm thu thanh toán đảm bảo dòng tiền phục vụ sản xuất; Tranh thủ sự ủng hộ của các Ngân hàng và Tổ chức tài chính.
- Giải pháp về quản trị, điều hành: Tiếp tục hoàn thiện, tăng cường hoạt động theo chức năng, nhiệm vụ của HĐQT, BKS; Ứng dụng triệt để các phương pháp quản trị hiện đại; Tăng cường đào tạo, tuyển dụng nhân sự đủ phẩm chất và năng lực, chuyên nghiệp trong các hoạt động nghiệp vụ và quản lý.

15. Đánh giá của tổ chức tư vấn về kế hoạch lợi nhuận và cổ tức

Với tư cách của một tổ chức tư vấn tài chính chuyên nghiệp, Công ty cổ phần chứng khoán Thăng Long đã tiến hành thu thập thông tin, nghiên cứu, phân tích một cách cẩn trọng và chi tiết để đưa ra những đánh giá và dự báo về hoạt động kinh doanh của Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.

Là một công ty thành viên của Cavico Việt Nam, Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng được thừa hưởng nhiều lợi thế về kinh nghiệm, uy tín, và thương hiệu. Bên cạnh đó, với hơn 5 năm xây dựng và trưởng thành, CavicoEC đã dần tạo dựng được thương hiệu riêng trong lĩnh vực xây dựng công trình giao thông, thủy lợi, công nghiệp dân dụng và thủy điện.

Trong khi các doanh nghiệp cùng ngành khác phải chịu ảnh hưởng lớn từ khủng hoảng kinh tế thì CavicoEC lại thực hiện mở rộng năng lực sản xuất kinh doanh và chủ động đi tìm kiếm thêm thị trường tiêu thụ của mình. Chính vì vậy, khi nền kinh tế bắt đầu phục hồi, tốc độ tăng trưởng của CavicoEC sẽ càng mạnh mẽ. Do đó, nếu không có những biến động bất thường gây ảnh hưởng đến hoạt động kinh doanh của Công ty, thì kế hoạch doanh thu và lợi nhuận đặt ra trong năm 2010 là khả thi.

Chúng tôi cũng xin lưu ý rằng, các ý kiến nhận xét nêu trên được đưa ra dưới góc độ đánh giá của một tổ chức tư vấn chuyên nghiệp, dựa trên cơ sở những thông tin được thu thập có chọn lọc và dựa trên lý thuyết về tài chính chứng khoán mà không hàm ý bảo đảm giá trị của cổ phiếu cũng như tính chắc chắn của những số liệu được dự báo. Nhận xét này chỉ mang tính tham khảo với nhà đầu tư khi tự mình ra quyết định đầu tư.

16. Thông tin về những cam kết nhưng chưa thực hiện của tổ chức phát hành

Không có.

17. Các thông tin, các tranh chấp kiện tụng liên quan tới công ty mà có thể ảnh hưởng đến giá cả cổ phần chào bán

Không có

V. CỔ PHIẾU CHÀO BÁN**1. Loại cổ phiếu**

Cổ phần phổ thông

2. Mệnh giá

10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần

3. Tổng số cổ phần dự kiến chào bán

4.225.000 (Bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn) cổ phần

4. Giá chào bán dự kiến

10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần

5. Phương pháp tính giá

Giá trị sổ sách của Cổ phiếu là một trong những căn cứ làm cơ sở để cùng với các yếu tố khác Công ty đưa ra mức giá phù hợp để chào bán.

Tại thời điểm 31/12/2009:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.250.000 cổ phiếu

Tổng vốn chủ sở hữu tại 31/12/2009: 39.647.085.820 đồng.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sổ sách} \\ \text{cổ phiếu} \end{array} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{39.647.085.820}{3.250.000} = 12.199 \text{ đồng/cổ phần}$$

Tại thời điểm 30/06/2010:

Số lượng cổ phiếu đang lưu hành: 3.250.000 cổ phiếu.

Tổng vốn chủ sở hữu tại 30/06/2010: 42.344.195.208 đồng.

$$\begin{array}{l} \text{Giá trị} \\ \text{sổ sách} \\ \text{cổ phiếu} \end{array} = \frac{\text{Vốn chủ sở hữu}}{\text{Số cổ phần đang lưu hành}} = \frac{42.344.195.208}{3.250.000} = 13.028 \text{ đồng/cổ phần}$$

Đợt phát hành cổ phiếu của Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng được chào bán cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên của Công ty. Căn cứ vào tình hình thị trường, nhu cầu sử dụng vốn của Công ty và Giá trị sổ sách được tính toán (mang tính tham khảo

ở trên), giá chào bán cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên là 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần.

6. Phương thức phân phối

Cổ phiếu Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng được phân phối cho cổ đông hiện hữu và cán bộ công nhân viên theo phương thức cụ thể như sau:

- Đối với các cổ đông hiện hữu: phân phối tại trụ sở Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.
- Đối với cán bộ công nhân viên của Công ty: phân phối tại trụ sở Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.

7. Số lượng cổ phiếu chào bán

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được phân phối 3.900.000 (Ba triệu chín trăm nghìn) cổ phần mệnh giá 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần tương ứng với 39.000.000.000 (Ba mươi chín tỷ) đồng theo mệnh giá.

Các cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông cũng được quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ là 5%/cổ phần tương đương với tổng khối lượng cổ phần trả cổ tức là 162.500 cổ phần.

Cán bộ công nhân viên của Công ty được phân phối 162.500 (Một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) cổ phần mệnh giá 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần tương ứng với 1.625.000.000 (Một tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu) đồng theo mệnh giá.

8. Tỷ lệ thực hiện quyền

Đối với phần chào bán cho cổ đông hiện hữu

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được quyền mua thêm cổ phiếu với tỷ lệ 10:12 trên số cổ phần hiện đang nắm giữ (cụ thể 10 cổ phần cũ được quyền mua thêm 12 cổ phần mới). Công thức xác định số cổ phiếu được mua của cổ đông hiện hữu như sau:

$$\text{Số cổ phiếu được mua} = \frac{\text{Số cổ phần sở hữu tại thời điểm chốt danh sách cổ đông}}{12} \times 10$$

Đối với phần trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%

Đối với phần trả cổ tức cho cổ đông hiện hữu

Các cán bộ công nhân viên của Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng có tên trong danh sách chính thức được Hội đồng quản trị thông qua sẽ được quyền mua thêm cổ

phiếu dựa trên các tiêu chí về chức danh, thâm niên công tác, mức độ cống hiến và thành tích đóng góp của người lao động với Công ty.

9. Nguyên tắc làm tròn

Nguyên tắc chung khi phân phối cổ phiếu cho các cổ đông hiện hữu là làm tròn đến hàng đơn vị.

10. Chuyển nhượng quyền mua

Cổ đông hiện hữu được quyền mua cổ phiếu có quyền từ chối quyền mua hoặc chuyển nhượng quyền mua của mình trong thời gian quy định tại Mục 7 dưới đây. Các cổ đông có quyền chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình (nhưng chỉ được chuyển nhượng một lần – không chuyển nhượng cho người thứ ba) cho người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng. Bên chuyển nhượng và Bên nhận chuyển nhượng tự thỏa thuận mức giá chuyển nhượng và thanh toán tiền chuyển nhượng quyền. Cổ đông thực hiện thủ tục chuyển nhượng tại Trụ sở Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.

11. Phương thức xử lý đối với số cổ phần không phân phối hết

- Đối với cổ phiếu lẻ (nếu có) phát sinh khi thực hiện quyền, để đảm bảo không vượt quá số lượng phát hành, số lượng cổ phiếu phát hành thêm mà cổ đông sở hữu quyền được mua sẽ được làm tròn xuống đến hàng đơn vị.
- Đối với số cổ phiếu trả cổ tức lẻ do làm tròn, Công ty sẽ mua lại làm cổ phiếu quỹ với giá 10.000 đồng/cổ phần.
- Số lượng cổ phiếu mà cổ đông hiện hữu được mua nhưng từ chối không mua toàn bộ hoặc một phần và số cổ phiếu lẻ phát sinh sau khi phân phối cho cổ đông hiện hữu, Đại hội đồng Cổ đông ủy quyền cho Hội đồng quản trị công ty quyết định chào bán tiếp với giá không thấp hơn giá bán cho cổ đông hiện hữu.

12. Thời gian phân phối cổ phiếu

Việc phân phối cổ phần chào bán thêm dự kiến sẽ được tiến hành tối đa trong vòng 90 ngày kể từ ngày Giấy chứng nhận đăng ký chào bán có hiệu lực. Thời gian phát hành dự kiến từ trong Quý III/2010.

Bảng 23: Lịch trình phân phối cổ phiếu

TT	Nội dung công việc	Thời gian
1	Nhận được cấp phép chào bán chứng khoán ra công chúng.	D

TT	Nội dung công việc	Thời gian
2	Xác định ngày chốt danh sách cổ đông được quyền mua cổ phiếu	D + 5
3	Công bố thông tin về đợt chào bán trên báo điện tử hoặc báo viết trong 03 số liên tiếp.	D đến D + 7
4	Hội đồng quản trị họp thông qua danh sách người lao động được quyền mua cổ phiếu	D đến D + 7
5	Thông báo đến cổ đông và người lao động	D + 7 đến D + 14
5	Cổ đông hiện hữu và người lao động tiến hành đăng ký, chuyển nhượng quyền và nộp tiền mua cổ phần	D + 15 đến D + 35
6	Báo cáo Ủy ban chứng khoán nhà nước về đợt phát hành	D + 45
7	Trao trả giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông	D + 45 đến D + 75

13. Đăng ký mua Cổ phiếu

Thời gian đăng ký mua cổ phiếu sẽ phụ thuộc vào thời gian phân phối cổ phiếu. Công ty sẽ thông báo thời gian đăng ký cụ thể trong Bản thông báo phát hành, và đảm bảo thời hạn đăng ký mua chứng khoán cho nhà đầu tư tối thiểu là hai mươi ngày theo đúng quy định. Danh sách cổ đông tại thời điểm chốt danh sách là cơ sở đăng ký thực hiện quyền mua cổ phần mới chào bán theo tỷ lệ được mua đã quy định. Cổ đông đăng ký thực hiện quyền tại Trụ sở Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.

Đối tượng thực hiện quyền

Các cổ đông có tên trong Danh sách người sở hữu cuối cùng tại ngày chốt danh sách phân bổ quyền mua và các cán bộ công nhân viên trong danh sách được quyền mua cổ phiếu.

Thời gian thực hiện quyền

Theo lịch trình dự kiến nêu trên.

Số lượng cổ phần chào bán

Tổng số cổ phần chào bán là 4.225.000 (Bốn triệu hai trăm hai mươi lăm nghìn năm trăm) cổ phần mệnh giá 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần. Trong đó:

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được phân phối 3.900.000 (Ba triệu chín trăm nghìn) cổ phần mệnh giá 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần tương ứng với 39.000.000.000 (Ba mươi chín tỷ) đồng theo mệnh giá.

Cổ đông hiện hữu có tên trong danh sách tại thời điểm chốt danh sách cổ đông được quyền nhận cổ tức bằng cổ phiếu với tỷ lệ 5%. Tổng khối lượng cổ phần trả cổ tức bằng cổ phiếu cho cổ đông hiện hữu là 162.500 cổ phần.

Cán bộ công nhân viên của Công ty được phân phối 162.500 (Một trăm sáu mươi hai nghìn năm trăm) cổ phần mệnh giá 10.000 (Mười nghìn) đồng/cổ phần tương ứng với 1.625.000.000 (Một tỷ sáu trăm hai mươi lăm triệu) đồng theo mệnh giá. Danh sách cán bộ công nhân viên dự kiến được mua thêm trong đợt phát hành lần này được đính kèm cùng với nghị quyết 181/NQ/HĐQT/CVCEC – 2010 ngày 15 tháng 7 năm 2010.

Phương thức thanh toán tiền mua cổ phần

Việc đăng ký mua cổ phần, chuyển nhượng quyền mua cổ phần, thanh toán tiền mua và chuyển giao cổ phần được thực hiện tại Trụ sở Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng

Chuyển giao cổ phiếu

Trong vòng 30 ngày sau khi hoàn tất đợt phát hành, Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng sẽ chuyển giao Giấy chứng nhận sở hữu cổ phần cho các cổ đông tại Trụ sở chính Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng.

Quyền lợi người mua cổ phiếu

Người sở hữu quyền mua có quyền từ chối mua toàn bộ hoặc một phần số lượng cổ phiếu được mua trong thời gian thực hiện quyền.

Người sở hữu quyền mua có thể chuyển nhượng quyền mua cổ phần của mình một lần cho người khác theo giá thỏa thuận giữa bên chuyển nhượng và bên nhận chuyển nhượng.

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu

Số lượng cổ phiếu đặt mua tối thiểu là 01 cổ phiếu

14. Giới hạn về tỷ lệ nắm giữ đối với người nước ngoài

Giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài sẽ được thực hiện theo các quy định pháp luật hiện hành. Điều lệ tổ chức và hoạt động của Công ty không giới hạn tỷ lệ nắm giữ cổ phiếu của Công ty đối với người nước ngoài. Tỷ lệ nắm giữ của người nước ngoài tuân theo quy định tại Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg ngày 15/4/2009 của Thủ tướng Chính phủ về tỷ lệ tham gia của nhà đầu tư nước ngoài trên thị trường chứng khoán Việt Nam. Quyết định số 55/2009/QĐ-TTg quy định tổ chức, cá nhân nước ngoài mua, bán chứng khoán trên thị trường chứng khoán Việt Nam được nắm giữ tối đa 49% tổng số cổ phiếu của Công ty cổ phần đại chúng.

15. Các hạn chế liên quan đến việc chuyển nhượng

Không có

16. Các loại thuế liên quan

Cổ tức từ cổ phần sở hữu và chênh lệch giá do chuyển nhượng cổ phần là thu nhập chịu thuế, vì vậy cổ đông nộp thuế thu nhập cho cổ tức và thu nhập chuyển nhượng chứng khoán theo các quy định tại:

Luật thuế thu nhập doanh nghiệp được Quốc hội khoá XI thông qua ngày 17 tháng 6 năm 2003;

Nghị định số 24/2007/NĐ-CP ngày 14 tháng 2 năm 2007 của Chính phủ quy định chi tiết thi hành Luật thuế thu nhập doanh nghiệp;

Nghị định số 100/2008/NĐ-CP ngày 08/09/2008 của Chính phủ quy định chi tiết một số điều của Luật thuế thu nhập cá nhân.

17. Ngân hàng mở tài khoản phong tỏa nhận tiền mua Cổ phiếu

Toàn bộ số tiền thu được từ đợt phát hành sẽ được chuyển vào tài khoản phong tỏa số: 1462201002724 do Công ty mở tại Ngân hàng NN&PTNT Chi nhánh Tây Đô

VI. MỤC ĐÍCH CHÀO BÁN

1. Mục đích chào bán

Căn cứ vào Nghị quyết Đại hội đồng cổ đông thường niên số 02/NQ-ĐHĐCĐ CVCEC 2010 ngày 10 tháng 07 năm 2010, Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng phát hành cổ phiếu tăng vốn điều lệ để phục vụ đầu tư các hạng mục, bao gồm:

- Đầu tư thiết bị nâng cao năng lực thi công;
- Bổ sung vốn lưu động;

2. Phương án khả thi

2.1 Đầu tư thiết bị nâng cao năng lực thi công

- Nội dung và quy mô đầu tư

Để phục vụ cho kế hoạch sản xuất kinh doanh trong năm 2010 cũng như các năm tới Công ty dự kiến đầu tư một số máy móc thiết bị và phương tiện vận tải và các chi phí như sau:

STT	Nội dung	Đơn giá	Số lượng	Số tiền (đồng)
1	Cầu tháp	2.150.000.000	1	2.150.000.000
2	Cầu bánh xích 50 tấn	2.350.000.000	1	2.350.000.000
3	Xe trộn bê tông 6 m3	650.000.000	4	2.600.000.000
4	Trạm trộn bê tông 60 m3/h	1.500.000.000	1	1.500.000.000
5	Xúc lật LG	680.000.000	1	680.000.000
6	Phí trước bạ, đăng ký, đăng kiểm			400.000.000
7	Chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử			320.000.000
	Tổng cộng		8	10.000.000.000

Địa điểm: Dự án thủy điện Đaksin 1 công ty đang thi công

Thời gian thực hiện: Từ tháng 9 năm 2010 đến tháng 11 năm 2010

Hiệu quả kinh tế của dự án:

- Khấu hao tài sản cố định hàng năm: 1.500.000.000 đồng
- Lợi nhuận sau thuế bình quân năm: 5.000.000.000 đồng
- Thời gian hoàn vốn của dự án = Tổng giá trị đầu tư tài sản/(Khấu hao TSCĐ + Lợi nhuận sau thuế) = 1,5 năm.

Nguồn vốn bao gồm: Nguồn vốn dùng để đáp ứng cho việc mua sắm các máy móc thiết bị này dự kiến được huy động từ đợt phát hành tăng vốn điều lệ từ 32,5 tỷ đồng lên 74.75 tỷ đồng.

Khả năng tài chính: Vốn chủ sở hữu để thực hiện dự án được Công ty dự kiến huy động là 10.000.000.000 đồng.

- Kết luận nhu cầu vốn

Để đáp ứng nguồn vốn chủ của Công ty thực hiện kế hoạch đầu tư thiết bị tăng năng lực sản xuất nêu ở trên, Công ty dự kiến huy động thêm từ việc phát hành Cổ phiếu 10.000.000.000 đồng để thực hiện kế hoạch.

2.2 Bổ sung vốn lưu động

- Sự cần thiết

Việc mở rộng hoạt động sản xuất kinh doanh đã tạo những cơ hội và bước phát triển mạnh mẽ cho CavicoEC, cùng với việc song song triển khai các dự án hiện tại và tiếp tục tìm kiếm các dự án mới nhu cầu vốn lưu động phục vụ sản xuất kinh doanh của Công ty ngày càng cao. Trong khi đó, hệ số thanh toán hiện hành và hệ số thanh toán nhanh trong thời điểm hiện tại của Công ty khá thấp. Nguồn vốn tài trợ từ lợi nhuận để lại không đáp ứng đủ vốn lưu động và phần lớn vốn lưu động được tài trợ bằng vốn vay ngắn hạn. Nguồn vốn này không ổn định do áp lực về lãi suất ngắn hạn và thời hạn trả nợ ngắn. Do đó, để đảm bảo tốc độ tăng trưởng cao trong giai đoạn tới, nâng cao năng lực tài chính, giảm hệ số nợ và đáp ứng nhu cầu vốn lưu động, việc phát hành thêm cổ phiếu tăng vốn điều lệ của Công ty là thực sự cần thiết.

Theo kế hoạch kinh doanh dự kiến của Công ty trong các năm tới, Công ty dự kiến về nhu cầu Vốn lưu động như sau:

TT	Nội dung	Năm 2009	Năm 2010 (dự kiến)
1	Doanh thu	114.207.940.303	115.00.000.000
2	Vốn lưu động	205.176.897.990	257.776.897.990
3	VLD tăng thêm so với năm trước		52.600.000.000

Nguồn: Công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng

Kế hoạch sản xuất kinh doanh năm các năm tiếp theo

Chỉ tiêu	Năm 2009	Năm 2010		Năm 2011	
		Kế hoạch	% tăng(+) giảm(-) so với năm 2009	Kế hoạch	% tăng(+) giảm(-) so với năm 2010
Doanh thu thuần	114.207.940.303	115.000.000.000	+100,69%	180.000.000.000	156,52%
Lợi nhuận sau thuế	2.393.131.294	6.500.000.000	+271,61%	15.000.000.000	230,77%
Tỷ lệ LNST/DTT	2,09%	5,65%	+3,56%	8,33%	+2,68%
Tỷ lệ LNST/Vốn CSH	6,28%	13,00%	+6,70%	15,00%	+2%
Cổ tức	5%	10%	+5%	12%	+2%

Để đáp ứng nhu cầu Vốn lưu động tăng thêm đồng thời chủ động về nguồn vốn kinh doanh của năm 2010, 2011 và các năm sau đó, Công ty dự kiến sẽ đáp ứng nhu cầu bằng một phần Vốn chủ sở hữu là **30.625.000.000 đồng** và **vốn vay khoảng 22.000.000.000 tỷ đồng**

- Kết luận nhu cầu vốn

Như vậy, để đáp ứng yêu cầu mở rộng phát triển của sản xuất kinh doanh, CavicoEC dự kiến cần phải huy động thêm **30.625.000.000 đồng** để thực hiện bổ sung Vốn lưu động kinh doanh.

VII. KẾ HOẠCH SỬ DỤNG SỐ TIỀN THU ĐƯỢC TỪ ĐỢT CHÀO BÁN

Tổng số tiền dự kiến thu được từ đợt chào bán là 40.625.000.000 đồng. Hội đồng quản trị Công ty sẽ sử dụng vào việc đầu tư thiết bị tăng năng lực thi công và bổ sung vốn lưu động của Công ty, cụ thể như sau:

Đơn vị: VND

STT	Đối tượng sử dụng vốn	Số tiền
I	Đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực thi công	10.000.000.000
1	Đầu tư dây truyền thi công bê tông cho Dự án Daksin 1	9.280.000.000
2	Các chi phí khác đi kèm cho việc đầu tư	720.000.000
II	Bổ sung vốn lưu động	30.625.000.000
	Đảm bảo dòng vốn cho hoạt động SXKD năm 2010	30.625.000.000
III	Tổng (I + II)	40.625.000.000

Đối với kế hoạch đầu tư máy móc thiết bị nâng cao năng lực sản xuất, Công ty dự định sử dụng mua sắm loại, số lượng và thời gian đầu tư như sau:

STT	Nội dung	Đơn giá	Số lượng	Số tiền (đồng)	Thời gian giải ngân
1	Cầu tháp	2.150.000.000	1	2.150.000.000	Tháng 9/2010
2	Cầu bánh xích 50 tấn	2.350.000.000	1	2.350.000.000	Tháng 9/2010
3	Xe trộn bê tông 6 m3	650.000.000	4	2.600.000.000	Tháng 9/2010
4	Trạm trộn bê tông 60 m3/h	1.500.000.000	1	1.500.000.000	Tháng 10/2010
5	Xúc lật LG	680.000.000	1	680.000.000	Tháng 10/2010
6	Phí trước bạ, đăng ký, đăng kiểm			400.000.000	Tháng 10/2010
7	Chi phí vận chuyển, lắp đặt, chạy thử			320.000.000	Tháng 11/2010
	Tổng cộng		8	10.000.000.000	

Đối với kế hoạch bổ sung vốn lưu động, sau khi nhận được tiền từ đợt chào bán, Công ty sẽ bổ sung nguồn vốn cho các dự án hiện tại như xây dựng thủy điện Đaksin 1, Đam'Bri,...

Phương án xử lý trong trường hợp không chào bán hết số cổ phiếu đăng ký chào bán

Trong trường hợp kết thúc thời gian chào bán theo quy định, Công ty không chào bán hết số cổ phiếu như đăng ký, số tiền thu được từ đợt phát hành không đủ theo dự kiến, để thực hiện những dự án đã được đại hội đồng cổ đông thông qua, tùy tình hình thực tế, Công ty Cổ phần Xây Dựng Năng Lượng dự kiến bổ sung vốn cho các dự án theo hướng điều chỉnh tỷ lệ vốn vay đối ứng.

VIII. CÁC ĐỐI TÁC LIÊN QUAN ĐẾN ĐỢT CHÀO BÁN

TỔ CHỨC TƯ VẤN

CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG KHOÁN THĂNG LONG

Điện thoại: (84-4) 3726 2600 Fax: (84-4) 3726 2601

Địa chỉ: 273 Kim Mã, Ba Đình, Hà Nội, Việt Nam

Website : www.thanglongsc.com.vn



TỔ CHỨC KIỂM TOÁN

Báo cáo Kiểm toán năm 2008 được kiểm toán bởi:

CÔNG TY TNHH KIỂM TOÁN VÀ ĐẦU TƯ TÀI CHÍNH VIỆT NAM (VIET AUDITORS CO.,LTD.)

Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà M3M4 số 91 Nguyễn Chí Thanh – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: 844 62663006 Fax: 844 54342011

Báo cáo Kiểm toán năm 2009 được kiểm toán bởi:

CHI NHÁNH TẠI HÀ NỘI CÔNG TY TNHH TƯ VẤN VÀ KIỂM TOÁN CA&A

Địa chỉ: Tầng 25, tòa nhà M3M4 số 91 Nguyễn Chí Thanh – Đống Đa – Hà Nội

Điện thoại: 844 62663006 Fax: 844 62663066

IX. PHỤ LỤC

1. Phụ lục I: Quyết định của HĐQT phê duyệt Hồ sơ chào bán cổ phiếu ra công chúng;
2. Phụ lục II: Bản sao hợp lệ giấy đăng ký kinh doanh;
3. Phụ lục III: Điều lệ công ty cổ phần Xây Dựng Năng Lượng;
4. Phụ lục IV: Báo cáo tài chính kiểm toán năm 2008, năm 2009 của CTCP Xây Dựng Năng Lượng;
5. Phụ lục V: Báo cáo tài chính 6 tháng đầu năm 2010 của CTCP Xây Dựng Năng Lượng;
6. Phụ lục VI: Sơ yếu lý lịch các thành viên trong HĐQT, Ban giám đốc, Ban kiểm soát và Kế toán trưởng;
7. Phụ lục VII: Biên bản và nghị quyết Đại hội đồng cổ đông chấp thuận việc chào bán cổ phiếu và thông qua phương án khả thi về việc sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán;
8. Phụ lục VIII: Quyết định phê duyệt phương án sử dụng vốn thu được từ đợt chào bán;
9. Phụ lục IX: Nghị quyết HĐQT thông qua tiêu chí và danh sách CBCNV được mua cổ phiếu trong đợt phát hành lần này;
10. Phụ lục X: Công văn giải trình hồ sơ chào bán của CavicoEC
11. Phụ lục XI: Biên bản kiểm phiếu bổ sung Đại hội đồng cổ đông thường niên năm 2010;
12. Phụ lục XII: Tài liệu chuyển nhượng cổ phần CavicoEC của Công ty TNHH Cavico Việt Nam;
13. Phụ lục XIII: Hợp đồng sử dụng thương hiệu Cavico Việt Nam của CTCP Xây Dựng Năng Lượng;
14. Phụ lục XIV: Hợp đồng tư vấn phát hành cổ phiếu ra công chúng;

Hà Nội, ngày ... tháng ... năm 2010

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC TƯ VẤN
CÔNG TY CỔ PHẦN CHỨNG
KHOÁN THĂNG LONG**

Tổng giám đốc

**ĐẠI DIỆN TỔ CHỨC PHÁT HÀNH
CÔNG TY CỔ PHẦN XÂY DỰNG
NĂNG LƯỢNG**

Chủ tịch Hội đồng quản trị

LÊ ĐÌNH NGỌC

PHAN VĂN HIẾU

Tổng giám đốc

TRẦN THANH DIỆU

Kế toán trưởng

NGUYỄN SỸ TUẤN

Trưởng Ban kiểm soát

TRẦN QUỐC BẢO